



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN








10/03/2025 – 14/03/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Các sự kiện chính trong tuần này (10/03 – 14/03)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
10	11	12	13	14
	<ul style="list-style-type: none">● Nhật Bản: Tăng trưởng GDP (Q4)	<ul style="list-style-type: none"> Mỹ: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 2) Canada: Quyết định lãi suất của BoC	<ul style="list-style-type: none"> Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ: Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng 2)	<ul style="list-style-type: none"> Anh: Tăng trưởng GDP (tháng 1) Đức: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 2) Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan sơ bộ (tháng 3)

NỘI TẠỊ RỘN RÀNG, BLUECHIPS DẪN ĐƯỜNG

- Thị trường chứng khoán Mỹ mất sạch đà tăng kể từ ngày bầu cử Tổng thống Mỹ (5/11/2024). Chỉ số S&P 500 hiện đã thấp hơn so với thời điểm đầu năm gần 1,9%, trong khi Nasdaq đã rơi vào trạng thái thị trường điều chỉnh (correction) trong tuần vừa qua vì đã giảm ít nhất 10% kể từ mức đỉnh gần nhất. Ở khu vực Đông Nam Á, thị trường Indonesia và Philippines dù phục hồi hơn 5% trong tuần vừa qua nhưng đã giảm hơn 20% kể từ đỉnh cùng với thị trường Thái Lan trong tuần trước.
- Ở thị trường hàng hóa, giá vàng thế giới tăng mạnh 2,3% trong tuần vừa qua do đồng USD lao dốc và nhu cầu phòng ngừa rủi ro. Trong khi giá dầu giảm gần 4% do lo ngại kinh tế toàn cầu suy yếu và OPEC+ tăng sản lượng. Nguyên nhân chính khiến USD giảm giá là do lo ngại về sức khỏe của nền kinh tế Mỹ và đà tăng giá mạnh của đồng euro trong tuần vừa qua. Cả tuần, đồng euro tăng 4,6% so với USD, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất 16 năm.
- Bất an là tâm trạng phổ biến trên thị trường tài chính Mỹ trong 3 tuần gần đây, khi những quyết định khó lường và liên tục thay đổi của ông Trump khiến thị trường tài chính cảm thấy khó đoán định về tương lai. Nhà đầu tư lo ngại chính sách thuế quan của ông Trump bắt đầu có ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Mỹ. Các dữ liệu kinh tế Mỹ gần đây làm gia tăng những đặt cược vào việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sớm nối lại việc cắt giảm lãi suất. Giới phân tích cho rằng Fed có thể sẽ có đợt giảm lãi suất tiếp theo vào tháng 6, và khả năng sẽ có thêm 1-2 đợt giảm nữa trong nửa sau của năm. Hồi đầu năm, thị trường cho rằng Fed sẽ chỉ giảm lãi suất 1 lần trong cả năm nay, thậm chí không có đợt giảm nào.
- Thị trường trong nước tăng một mạch 7 tuần liên tiếp, tương đương chuỗi tăng dài nhất kể từ cuối tháng 8/2022. Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.326,05 điểm, tăng +20,69 điểm, tương đương tăng +1,59% so với tuần trước. Mức tăng trong tuần vừa qua chủ yếu tập trung ở nhóm Bluechips với Vn30 tăng mạnh +2,46%, trong khi Midcap chỉ tăng nhẹ +0,49%, thậm chí Smallcap còn giảm -0,92%.
- Một số nhóm cổ phiếu nổi bật như: Vingroup (+8,95%), Bán lẻ (+3,5%), Chứng khoán (3,1%), ... Ở chiều ngược lại, Dệt may (-2,16%), Thủy sản (-1,91%), Dầu khí (-1,42%), v.v...
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 24.019 tỷ đồng, tăng +13,6% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng +7% lên 20.808 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đã đạt mức cao nhất trong vòng 9 tháng trở lại đây. Thanh khoản tuần đầu tháng 3 đã tăng +34,5% so với tháng 2. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 18.235 tỷ đồng, giảm -13,5% so với mức bình quân năm 2024.

NỘI TẠỊ RỘN RÀNG, BLUECHIPS DẪN ĐƯỜNG

- Khối ngoại bán ròng hơn -1.043 tỷ đồng ở tuần đầu tháng 3, ở tháng 2 khối ngoại bán ròng -9.850 tỷ đồng và lũy kế từ đầu năm, khối ngoại bán ròng -17.650 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu bị bán ròng trong tuần vừa qua tập trung ở: TPB (-614 tỷ đồng), FPT (-222 tỷ đồng), NLG (-170 tỷ đồng), trong khi mua ròng trở lại MWG (+426 tỷ đồng), VHM (+348 tỷ đồng), v.v... Trong vòng 1 tháng trở lại đây, các cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng gồm: FPT (-913 tỷ đồng), TPB (-794 tỷ đồng), VCB (-718 tỷ đồng), GMD (-569 tỷ đồng), v.v...
- Các nhóm cổ phiếu thu hút được dòng tiền nổi bật nhất ở: 1) Nhóm cổ phiếu Vingroup sau khi Vinpearl một trong những công ty thuộc hệ sinh thái Vin chuẩn bị niêm yết trên sàn HSX. Ngoài ra, 2) Nhóm cổ phiếu Chứng khoán nhờ kỳ vọng nâng hạng thị trường của FTSE Russell cũng như hệ thống KRX, cho đến 3) Ngân hàng, 4) Bán lẻ, v.v...
- Về định giá, hiện tại chỉ số P/E (ttm) của thị trường đã tăng từ mức 13,3 lần ở đầu tháng 2 lên mức 14,18 lần nhưng vẫn thấp hơn 16,5% so với mức bình quân 5 năm. Đây là lần thứ 2 chỉ số P/E về vùng thấp hơn so với mức bình quân 1 đội lệch chuẩn kể từ cuối tháng 10 và đầu tháng 11/2024, thời điểm chỉ số Vn-Index ở vùng 1.250 điểm.
- Nhận định thị trường: Chúng tôi giữ nguyên quan điểm “lạc quan nội tại, quan ngại bên ngoài” như tiêu đề ở báo cáo tuần trước. Ở tuần tới, nhiều khả năng thị trường Mỹ sẽ có sự phục hồi khi đã bị bán quá mức và các chỉ số chính như Dow Jones hay S&P 500 thử thách ngưỡng hỗ trợ MA200. Ở thị trường trong nước, khối nội sẽ tiếp tục “dẫn đường” trong khi cường độ bán ròng từ khối ngoại có khả năng giảm. Các tín hiệu tích cực hỗ trợ thị trường vẫn ở: 1) Về yếu tố mùa vụ/chu kỳ: Thị trường đang có xác suất tăng điểm trong tháng 3 khá cao: 8/10 năm tăng trong đó 4 năm tăng liên tiếp từ 2021 – 2024. 2) Dòng tiền nội vẫn mạnh nhờ chính sách hỗ trợ kinh tế từ Chính phủ (nới lỏng tiền tệ, kích cầu). 3) Nhóm cổ phiếu dẫn dắt: Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản, ... và 4) Định giá: Chỉ số Vn-Index đã vượt đỉnh năm 2024 nhưng hiện chỉ số P/E vẫn thấp hơn 15%, cho thấy có sự cải thiện về thu nhập ở cổ phiếu trong quý 4 vừa qua. Với các nhận định trên, chúng tôi cho rằng thị trường có cơ hội để hướng tới vùng 1.350 – 1.360 điểm, trong khi vùng hỗ trợ ở 1.290 – 1.300 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Với việc thị trường tiếp tục duy trì đà tăng mà không điều chỉnh đáng kể, nhà đầu tư có thể mất nhiều cơ hội hơn là lợi ích từ việc chờ đợi. Để không bị rơi vào tình trạng “đứng ngoài cuộc chơi”, nhà đầu tư có thể giải ngân từng phần ở các nhịp rung lắc trong phiên đối với các nhóm cổ phiếu chưa tăng hoặc đã tạo nền tích lũy, ưu tiên một số nhóm cổ phiếu như: Chứng khoán, Ngân hàng, BĐS, Bán lẻ, Vingroup.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	852.10	-1.26%	-1.99%	1.28%	10.48%
Dow Jones	42,801.72	-2.37%	-3.39%	0.61%	10.53%
S&P 500	5,770.20	-3.10%	-4.24%	-1.89%	12.62%
Europe	553.34	-0.69%	1.95%	9.01%	9.95%
Japanese	36,863.50	-0.79%	-4.96%	-7.60%	-7.12%
Korea	2,563.48	1.21%	1.65%	6.83%	-4.36%
China	3,372.55	1.56%	2.09%	0.62%	10.72%
HongKong	24,231.30	5.62%	14.66%	20.79%	48.17%
Taiwan	22,576.07	-2.07%	-3.84%	-1.99%	14.11%
Indian	22,552.50	1.93%	-4.28%	-4.62%	0.26%
Singapore	3,914.48	0.48%	1.37%	3.35%	24.38%
Malaysia	1,547.27	-1.74%	-2.74%	-5.79%	0.48%
Indonesia	6,636.00	5.83%	-1.58%	-6.27%	-10.10%
Thailand	1,202.03	-0.14%	-6.24%	-14.15%	-13.30%
Philippine	6,298.29	5.01%	2.33%	-3.53%	-9.28%
Vietnam	1,326.05	1.59%	3.99%	4.68%	6.31%
Brent Oil	70.36	-3.85%	-5.76%	-5.73%	-14.28%
Crude Oil WTI	67.04	-3.90%	-5.58%	-5.91%	-13.50%
Gold	2,914.10	2.30%	0.92%	10.34%	33.34%
S&P 500 VIX	23.37	19.05%	41.29%	34.70%	58.55%
Dollar Index	103.81	-3.48%	-3.82%	-4.14%	1.09%
U.S. 10Y	4.30	2.44%	-4.22%	-5.86%	5.57%
U.S. 2Y	4.00	0.36%	-6.77%	-5.60%	-10.69%

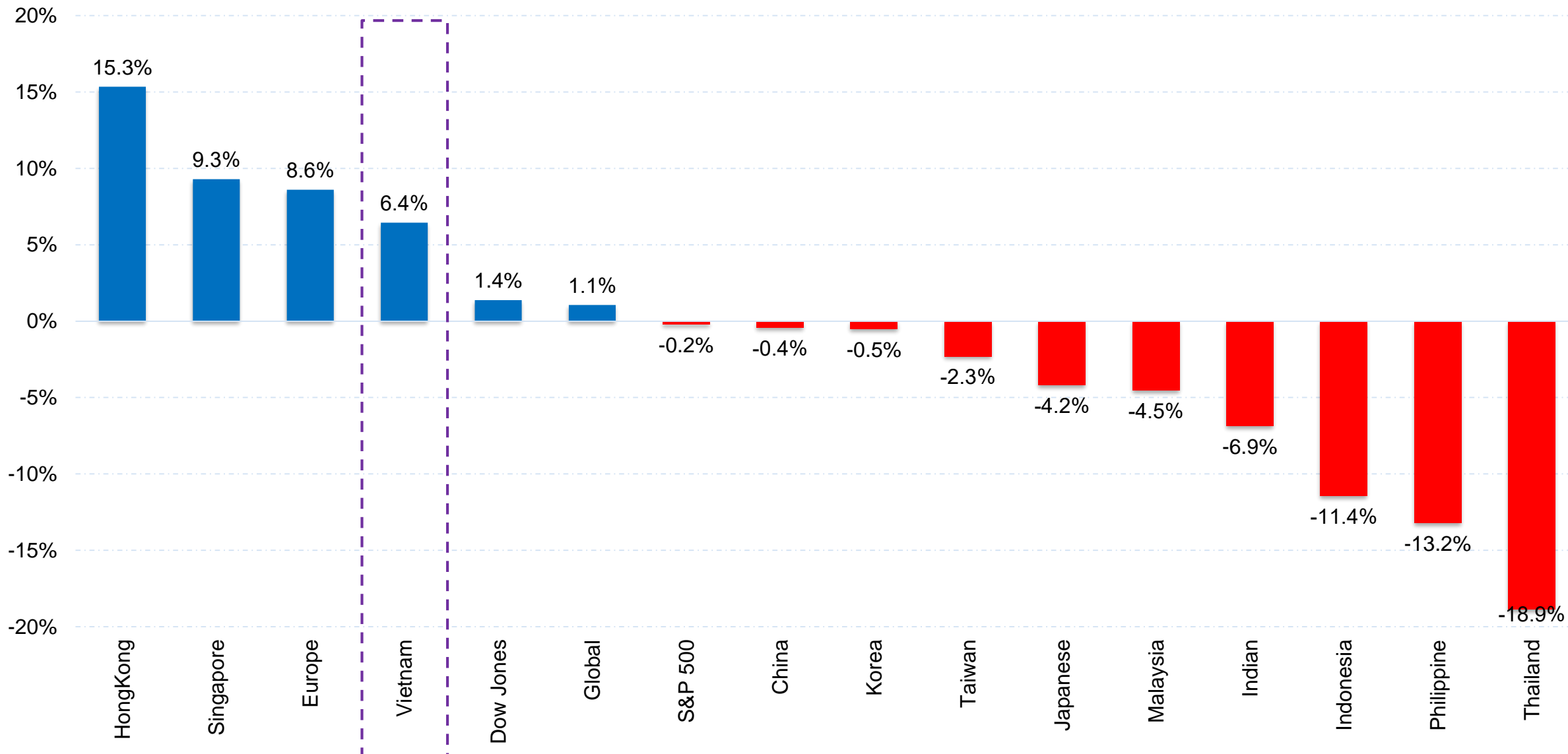
Nguồn: Update 08/03, Investing, MBS Research

- Bất an là tâm trạng phổ biến trên thị trường tài chính Mỹ trong tuần vừa qua, khi ông Trump liên tục đưa ra các tuyên bố và có động thái “quay xe” về thuế quan đối với Canada và Mexico. Sự thiếu chắc chắn trong chính sách của chính quyền khiến chứng khoán Mỹ có tuần giảm mạnh nhất nửa năm. Chỉ số S&P 500 hoàn tất tuần giảm điểm mạnh nhất kể từ tháng 9, với mức giảm cả tuần là 3,1%. Dow Jones giảm 2,4% và Nasdaq mất 3,5% điểm số. Đáng chú ý, Nasdaq đã rơi vào trạng thái thị trường điều chỉnh (correction) trong tuần vừa qua vì đã giảm ít nhất 10% kể từ mức đỉnh gần nhất.
- Chứng khoán khu vực Châu Âu cũng điều chỉnh nhẹ từ vùng đỉnh lịch sử khi đồng Euro có tuần tăng mạnh nhất 16 năm và ECB phát tín hiệu sẽ nới lỏng chậm lại. Kể từ đầu năm chứng khoán Châu Âu vẫn có mức tăng hơn 9%, bỏ xa mức tăng 1,3% của chứng khoán toàn cầu và 0,6% của chỉ số Dow Jones.
- Trong khi đó, một số thị trường ở khu vực Châu Á phục hồi sau tuần giảm mạnh, nổi bật là thị trường Hồng Kông. Ở khu vực Đông Nam Á, thị trường Indonesia và Philippines cũng bật tăng hơn +5% sau khi đi vào thị trường giá xuống.
- Giá vàng thế giới tăng mạnh 2,3% trong tuần vừa qua do đồng USD lao dốc và nhu cầu phòng ngừa rủi ro.
- Giá dầu giảm gần 4% do lo ngại kinh tế toàn cầu suy yếu và OPEC+ tăng sản lượng.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Mỹ mất sạch đà tăng kể từ ngày bầu cử Tổng thống Mỹ (5/11/2024)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



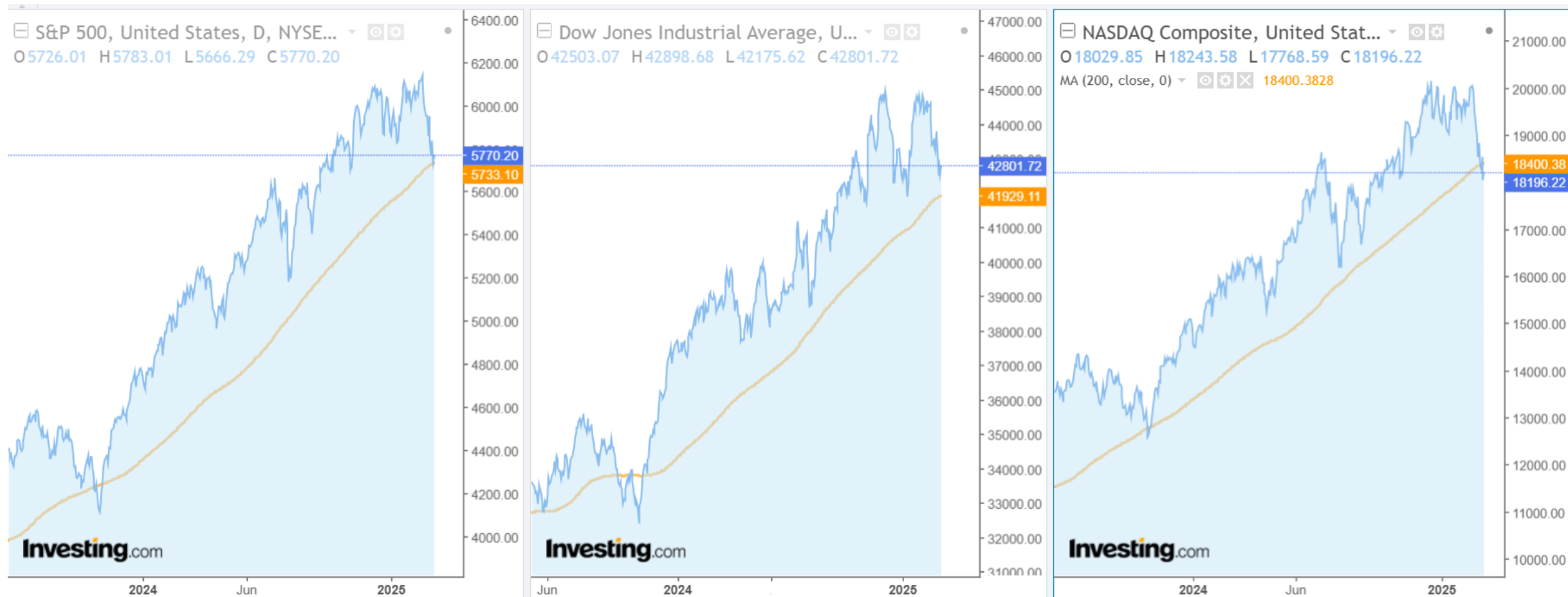
Các chỉ số chính của các thị trường chứng khoán trên thế giới



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Mỹ: Nasdaq đã rơi vào trạng thái thị trường điều chỉnh (correction) trong tuần vừa qua



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Thái Lan, Indonesia và Philippines phục hồi sau khi bước vào thị trường giá xuống (Bear market) ở tuần trước



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Chứng khoán Hàn Quốc và Nhật Bản để mắt ngưỡng trung bình 200 ngày (MA200)



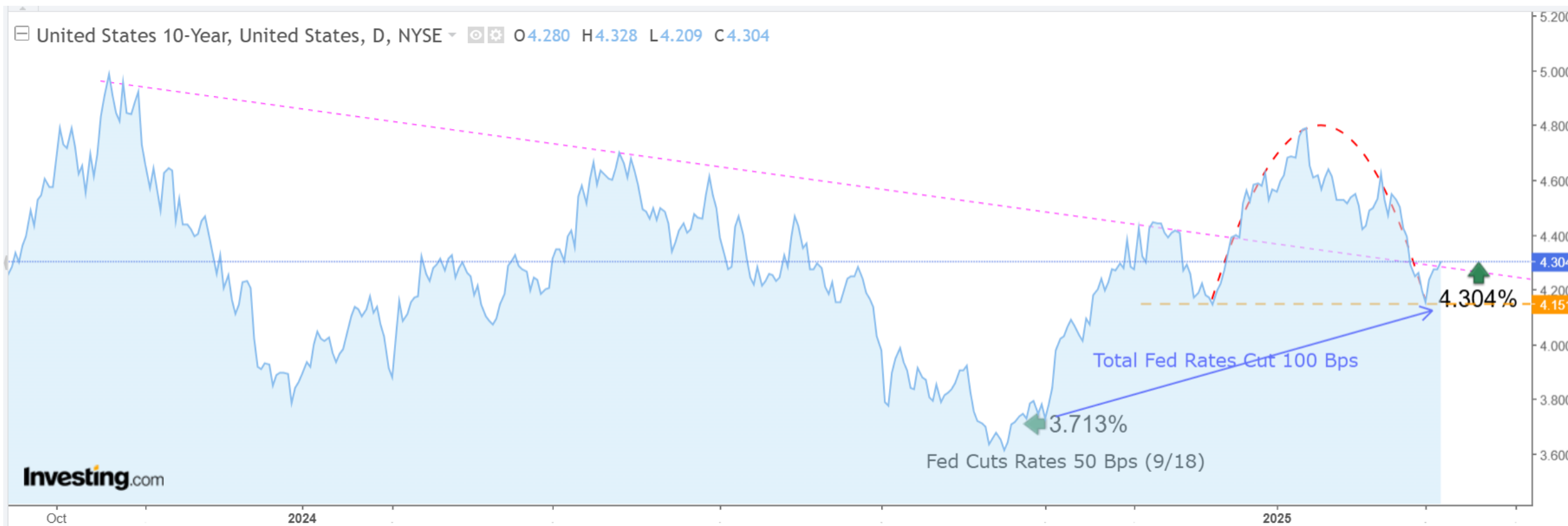
Giá vàng tăng mạnh tuần vừa qua do đồng USD lao dốc và nhu cầu phòng ngừa rủi ro

Giá vàng thế giới tăng khoảng 2,3% trong tuần vừa qua, chuỗi 8 tuần tăng liên tiếp của giá kim loại quý này bị gián đoạn vào tuần trước do nhiều nhà đầu tư chốt lời sau khi kỷ lục giá mới được thiết lập. Một động lực quan trọng cho giá vàng tăng trong tuần vừa qua là đồng USD trượt giá và nhu cầu phòng ngừa rủi ro của nhà đầu tư tăng cao trong bối cảnh những bấp bênh xung quanh chính sách thuế quan của Tổng thống Mỹ Donald Trump. Bên cạnh đó, loạt số liệu kinh tế ảm đạm của Mỹ làm gia tăng khả năng Cục Dự trữ Liên bang (Fed) sớm cắt giảm lãi suất trở lại cũng hỗ trợ giá vàng.



Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng trở lại sau báo cáo việc làm tháng 2

Báo cáo việc làm tháng 2 là sự tiếp nối chuỗi những dữ liệu ảm đạm gần đây của kinh tế Mỹ, làm dấy lên mối lo ngại về sự giảm tốc của nền kinh tế lớn nhất thế giới. Bên cạnh đó, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ đã tăng trở lại sau khi Chủ tịch Fed Jerome Powell nói rằng ngân hàng trung ương này muốn có được “sự rõ ràng hơn nữa” về tác động từ các chính sách của chính quyền trước khi có động thái chính sách tiếp theo.



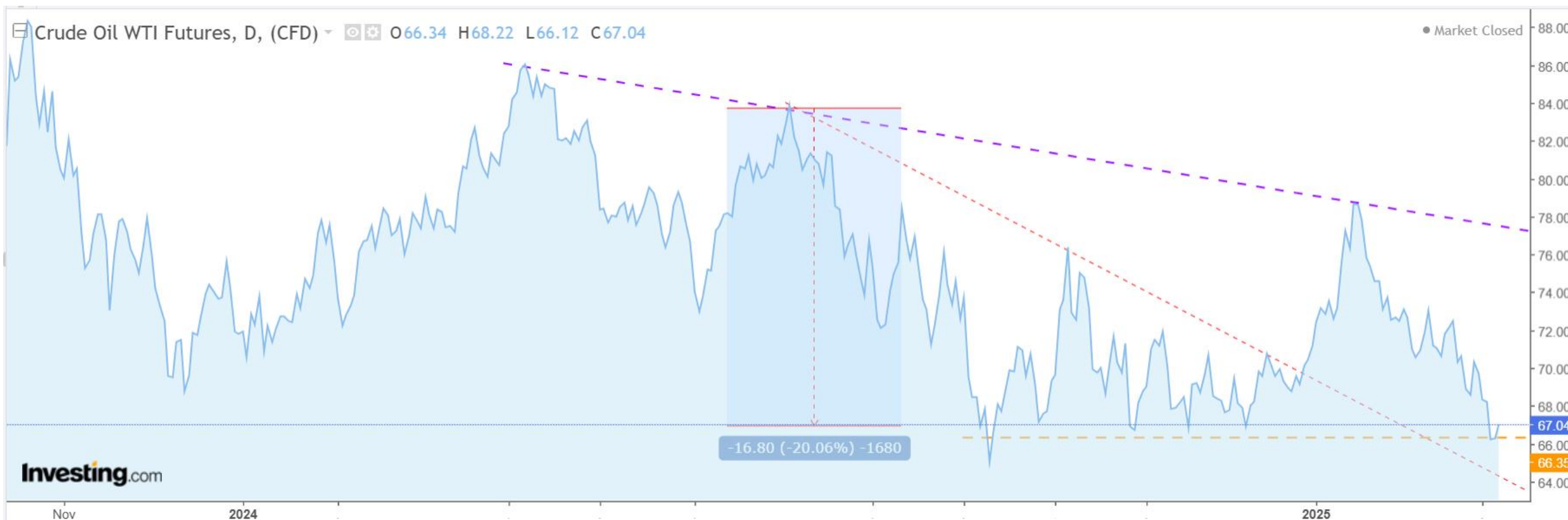
Đồng USD lao dốc do lo ngại về sức khỏe của nền kinh tế và đồng Euro tăng mạnh

Chỉ số Dollar Index đo sức mạnh của bạc xanh so với một rổ gồm 6 đồng tiền chủ chốt khác tụt xuống đáy 4 tháng, khi giảm 3,48% trong tuần vừa qua và đóng cửa ở mức 103,81 điểm. Nguyên nhân chính khiến USD giảm giá tuần này là các số liệu xấu hơn dự báo về kinh tế Mỹ làm dấy lên mối lo ngại về sức khỏe của nền kinh tế và gia tăng khả năng Fed sớm nối lại việc cắt giảm lãi suất. Áp lực mất giá đối với USD còn đến từ đà tăng giá mạnh của đồng euro trong tuần vừa qua. Cả tuần, đồng euro tăng 4,6% so với USD, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất 16 năm.



Giá dầu giảm gần 4% do lo ngại kinh tế toàn cầu suy yếu và OPEC+ tăng sản lượng

Tuần vừa qua, giá dầu đơng đầu áp lực giảm vì nỗi lo kinh tế toàn cầu suy yếu, thuế quan của ông Trump, và kế hoạch nâng sản lượng của OPEC+. Cả tuần, giá dầu Brent giảm 3,85%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất kể từ tuần kết thúc vào ngày 11/11. Giá dầu WTI giảm 3,9%, đánh dấu tuần giảm mạnh nhất kể từ tuần kết thúc vào ngày 21/1. Thị trường toàn cầu đã bị ảnh hưởng bởi chính sách thương mại biến động của Mỹ, quốc gia tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới.



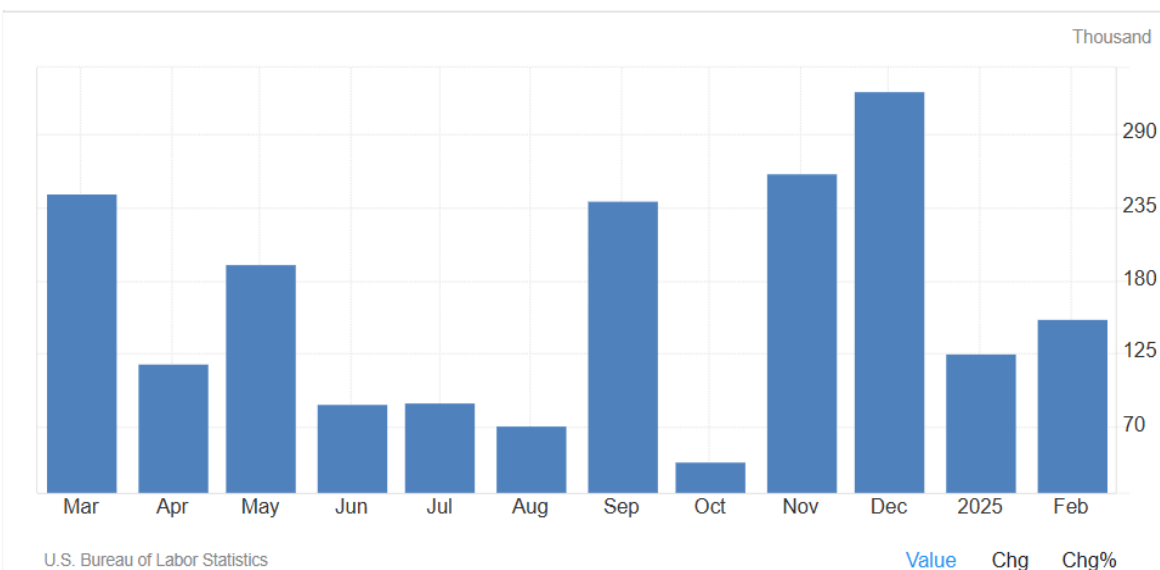
Kinh tế Mỹ tạo ít việc làm hơn dự báo, tỷ lệ thất nghiệp tăng lên 4,1%

Tăng trưởng việc làm yếu hơn dự báo trong tháng 2/2025 khi chính quyền Trump bắt đầu chiến dịch cắt giảm nhân sự liên bang.

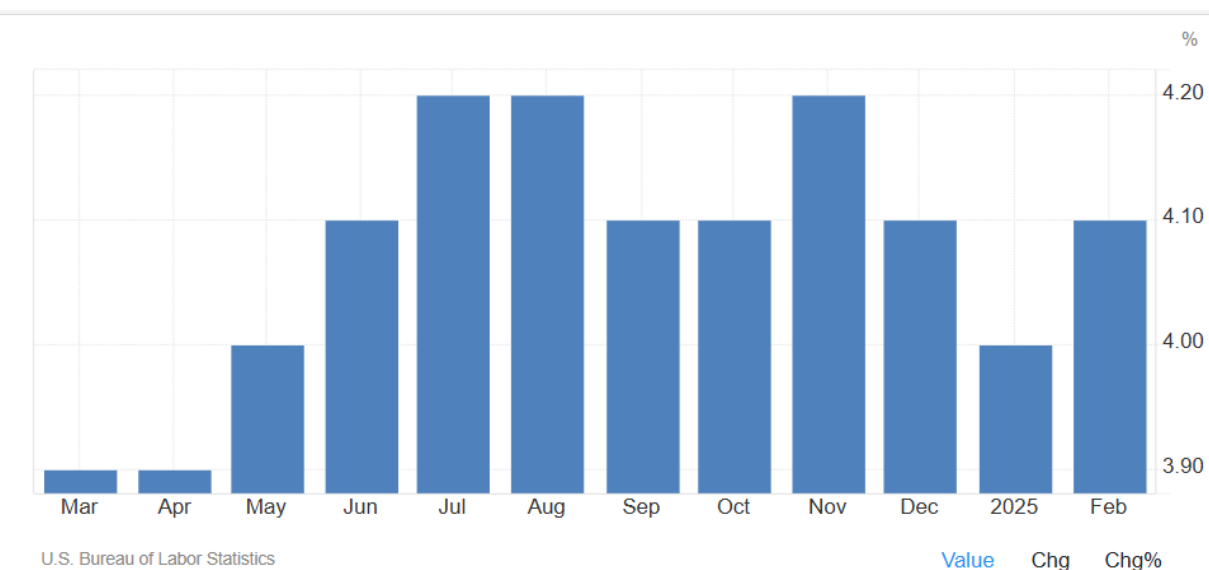
Theo báo cáo của Cục Thống kê Lao động thuộc Bộ Lao động Mỹ công bố vào thứ Sáu, kinh tế Mỹ tạo thêm 151.000 việc làm mới trong tháng 2/2025. Con số này tốt hơn so với mức 125.000 đã được điều chỉnh giảm của tháng 1, nhưng vẫn thấp hơn mức dự báo đồng thuận 170.000 từ Dow Jones. Đáng chú ý, tỷ lệ thất nghiệp đã tăng nhẹ lên 4,1%.

Báo cáo này là sự tiếp nối chuỗi những dữ liệu ảm đạm gần đây của kinh tế Mỹ, làm dấy lên mối lo ngại về sự giảm tốc của nền kinh tế lớn nhất thế giới. Dữ liệu này làm gia tăng những đặt cược vào việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sớm nới lại việc cắt giảm lãi suất.

United States Non Farm Payrolls



United States Unemployment Rate



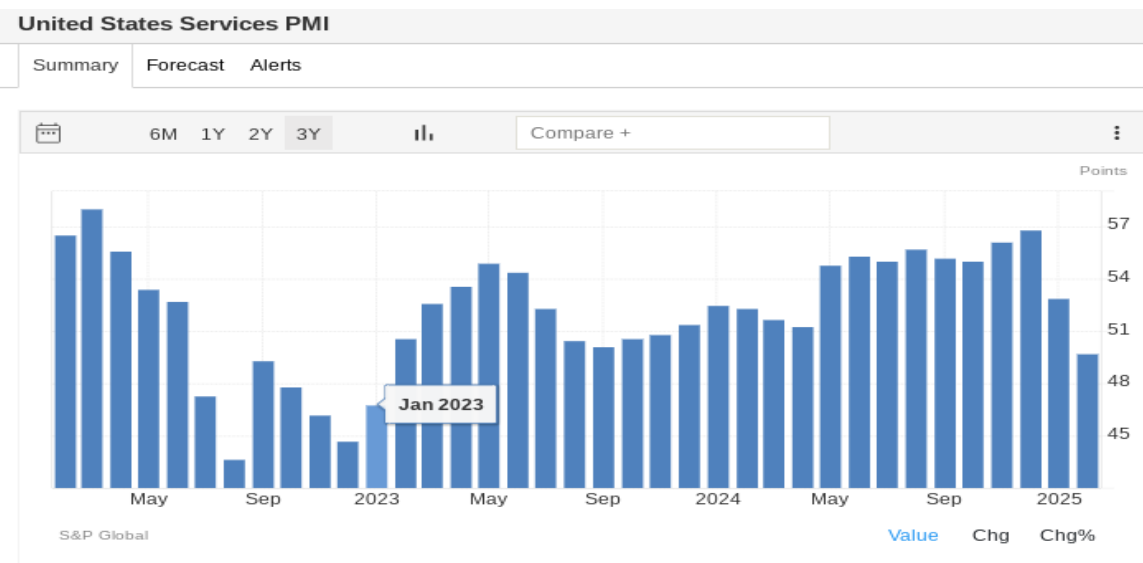
Chỉ số PMI dịch vụ của Mỹ giảm (dưới ngưỡng 50) lần đầu tiên sau 2 năm, làm dấy lên mối lo ngại về sự giảm tốc của tăng trưởng

Chỉ số niềm tin tiêu dùng của Đại học Michigan giảm xuống mức 64,7 điểm trong tháng 2, tương đương cú sụt gần 10% so với tháng trước và giảm sâu hơn nhiều so với dự báo. Niềm tin sụt giảm khi người tiêu dùng Mỹ lo lắng nhiều hơn về lạm phát vì khả năng nhiều thuế quan mới được áp. Cũng trong cuộc khảo sát này, kỳ vọng của người tiêu dùng về mức lạm phát sau 5 năm là 3,5%, mức cao nhất kể từ năm 1995.

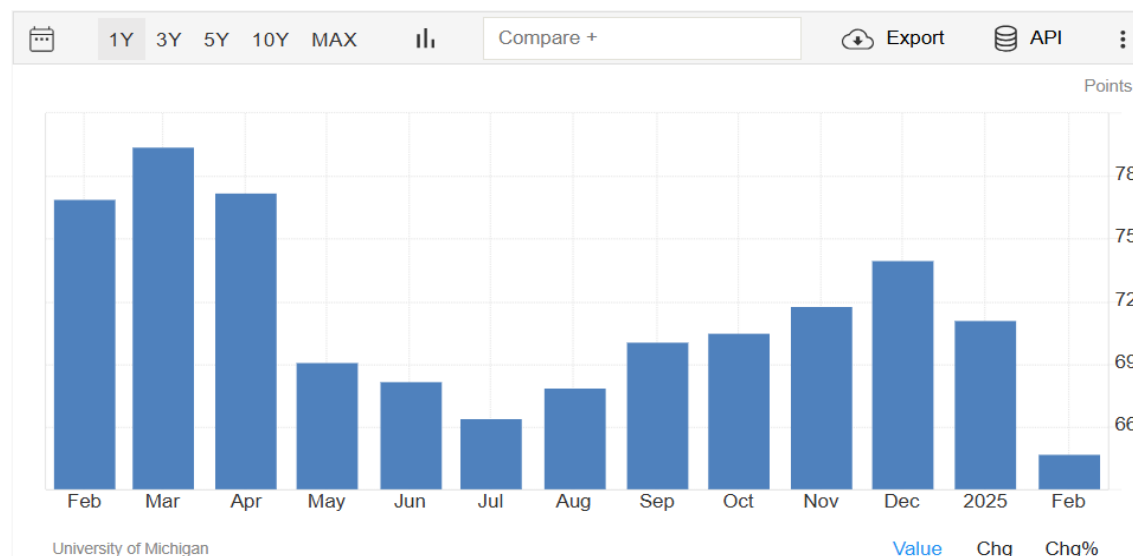
Ngoài ra, doanh số bán nhà đã qua sử dụng ở Mỹ giảm mạnh hơn dự báo trong tháng 1, với mức giảm 4,9%, còn 4,08 triệu căn - số liệu đã được điều chỉnh theo các yếu tố mùa vụ để phản ánh doanh số theo kỳ 1 năm. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) dịch vụ của Mỹ cũng giảm dưới ngưỡng trung tính 50 điểm trong tháng 2, phản ánh sự suy giảm của lĩnh vực dịch vụ - theo số liệu từ S&P Global. Các nhà sản xuất lưu ý rằng chi phí đầu vào đã tăng mạnh do giá cả tăng do thuế quan và áp lực tiền lương. "Tâm trạng lạc quan thấy được trong các doanh nghiệp Hoa Kỳ vào đầu năm đã tan biến, thay vào đó là bức tranh u ám về sự bất ổn gia tăng, hoạt động kinh doanh đình trệ và giá cả tăng", Chris Williamson, chuyên gia kinh tế trưởng tại S&P Global Market Intelligence cho biết.

Cổ phiếu Walmart - một "hàn thử biểu" về sức chi tiêu của người tiêu dùng Mỹ - giảm 2,5% trong phiên này, đánh dấu phiên giảm thứ hai liên tiếp sau khi "đế chế" bán lẻ này đưa ra dự báo ảm đạm về tiêu dùng và nền kinh tế.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) dịch vụ của Mỹ



Chỉ số niềm tin tiêu dùng của Đại học Michigan



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

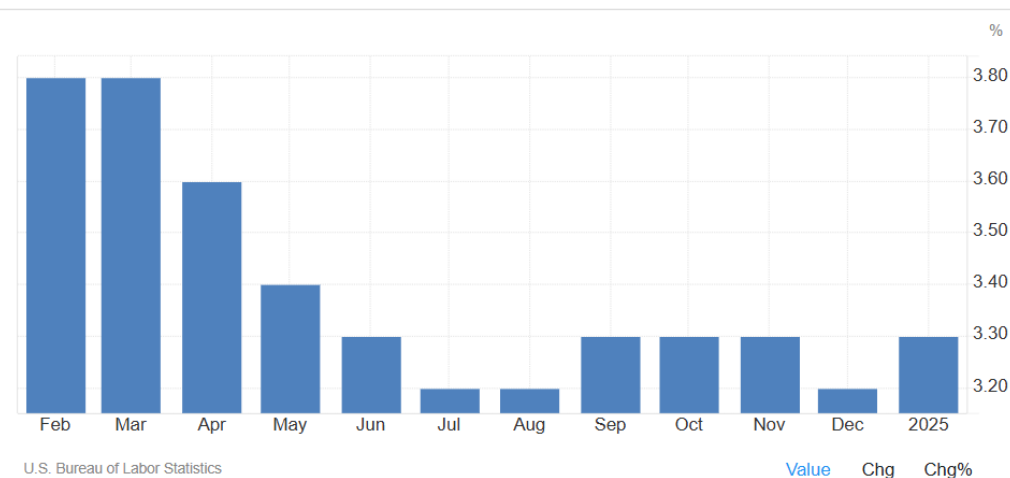
Lạm phát Mỹ có dấu hiệu dai dẳng, nóng hơn kỳ vọng

Báo cáo từ Bộ Lao động Mỹ ngày 12/2 cho thấy chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần tháng 1/2025 của Mỹ tăng 0,5% so với tháng trước (mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 8/2023), và tăng 3% so với cùng kỳ năm 2024 (tăng tốc từ mức 2,9% của tháng 12/2024). Cả mức tăng so với tháng trước và cùng kỳ năm trước này đều cao hơn dự báo của giới phân tích, tương ứng là 0,3% và 2,9%. Chỉ số CPI lõi, không tính giá thực phẩm và năng lượng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2024, cũng đều cao hơn so với dự báo. Riêng mức tăng tháng của CPI lõi là cao nhất kể từ tháng 4/2023.

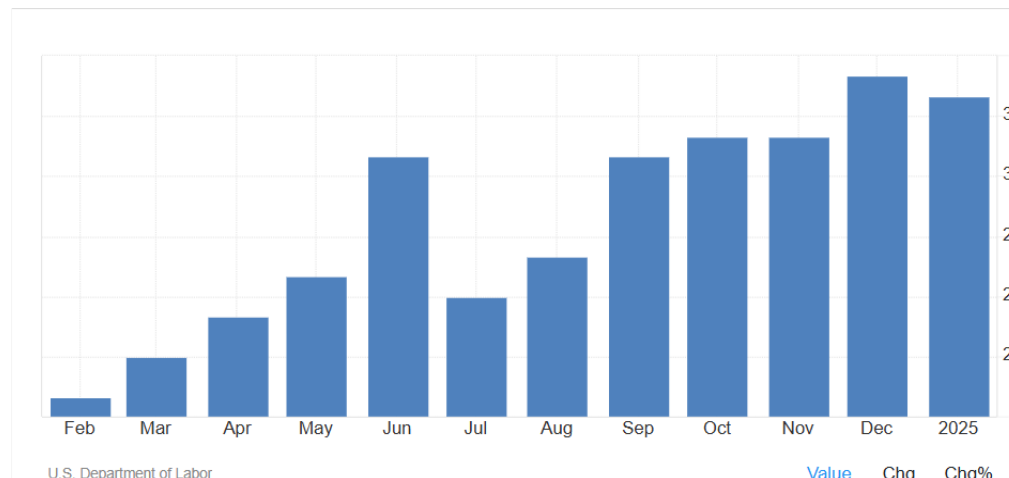
Báo cáo từ Bộ Lao động Mỹ ngày 13/2 cho thấy chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) - thước đo giá cả hàng hóa và dịch vụ trả cho nhà sản xuất - tăng 0,4% trong tháng 1, cao hơn mức dự báo tăng 0,3% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. PPI lõi, thước đo không bao gồm giá năng lượng và thực phẩm, tăng 0,3%, phù hợp với dự báo. Lạm phát PPI hàng năm của Hoa Kỳ trong tháng 1 tăng 3,5%, cao hơn kỳ vọng là 3,2%. Lạm phát PPI cốt lõi tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước, so với dự báo tăng 3,3%.

Dữ liệu lạm phát tháng 1/2025 cho thấy tiến trình giảm lạm phát gặp ghehnh và chặng cuối không dễ dàng trong cuộc chiến chống lạm phát mà Fed khởi xướng cách đây gần tròn 3 năm. Tốc độ lạm phát ở Mỹ đã giảm nhanh sau khi lập đỉnh trên 9% vào mùa hè năm 2022, nhưng tiến trình giảm lạm phát trong những tháng gần đây trở nên rời rạc.

United States Core CPI YoY



United States Core PPI YoY



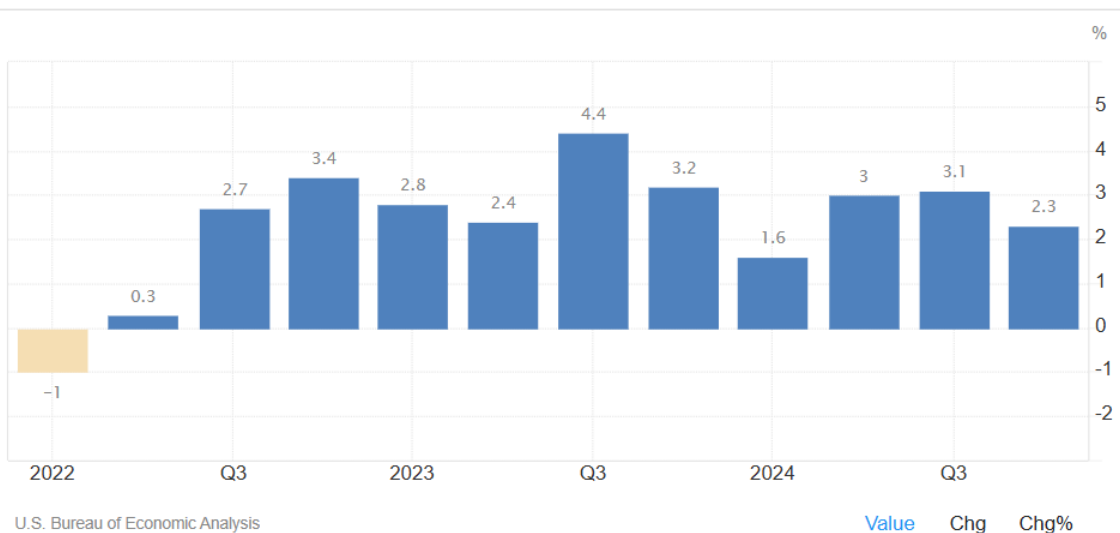
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Tốc độ tăng trưởng kinh tế quý 4 của Mỹ giảm mạnh hơn so với dự báo

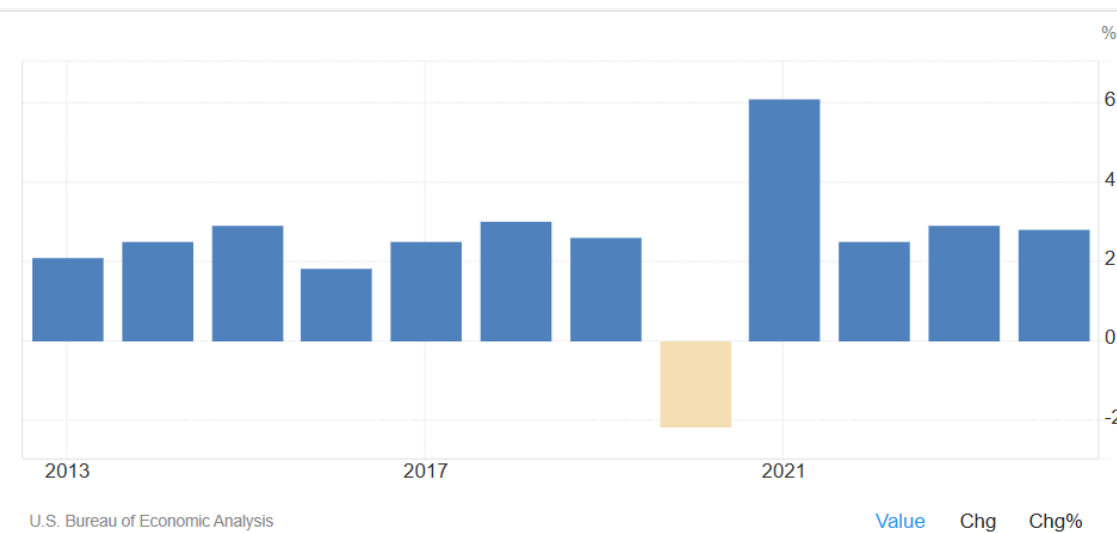
Báo cáo do Cục Phân tích kinh tế (BEA) thuộc Bộ Thương mại Mỹ công bố ngày 30/1 cho thấy tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm 2,3% sau khi đã tính đến các yếu tố mùa vụ và lạm phát. Mức tăng trưởng này thấp hơn con số dự báo tăng 2,4% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát do công ty dữ liệu FactSet thực hiện, đồng thời giảm tốc mạnh so với mức tăng 3,1% đạt được trong quý 3.

Ngày thứ Sáu, công cụ GDP Now của Fed chi nhánh Atlanta - một thước đo thời gian thực dựa trên các số liệu kinh tế và biến động liên tục - cho thấy khả năng tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 1 của Mỹ giảm 1,5% (tính theo tỷ lệ hàng năm, đã điều chỉnh theo mùa). Đây là một bước giảm mạnh so với mức dự báo trước đó là 2,3% vào ngày 19/2.

Tăng trưởng GDP theo quý



Tăng trưởng GDP theo năm



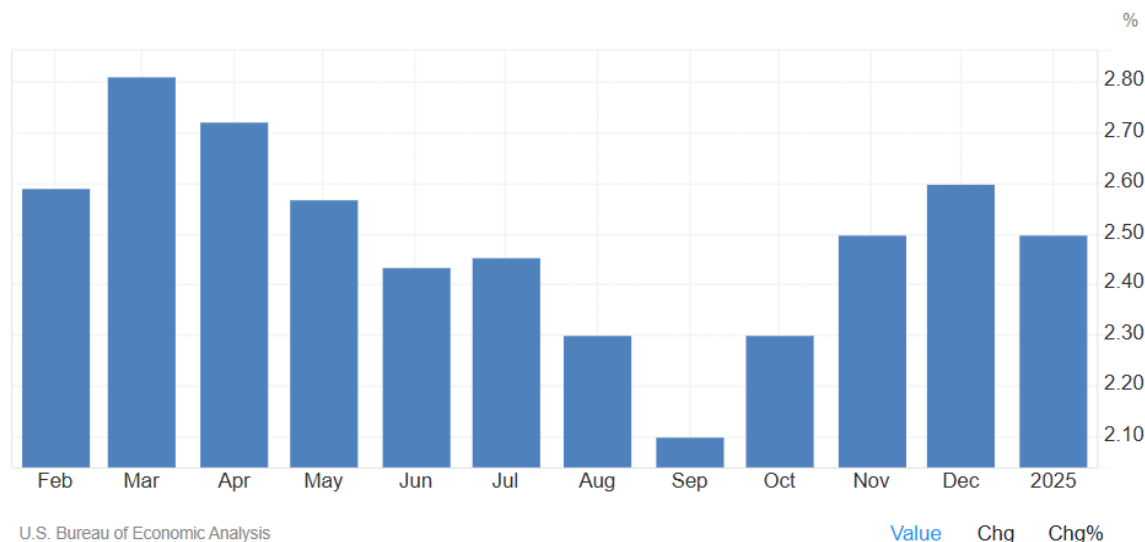
Lạm phát hạ nhiệt nhẹ trong tháng 1 giữa bối cảnh lo ngại về kế hoạch áp thuế của Tổng thống Donald Trump gia tăng

Báo cáo từ Bộ Thương mại Mỹ ngày thứ Sáu cho thấy chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE), thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng, tăng 2,5% trong tháng 1 so với cùng kỳ năm ngoái, giảm tốc so với mức tăng 2,6% của tháng 12.

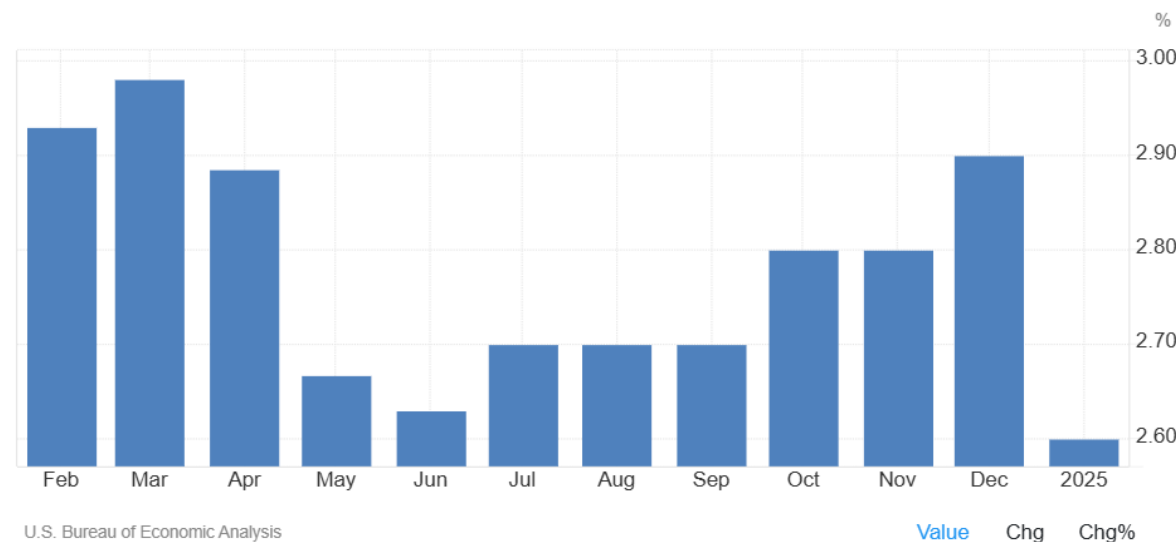
PCE lõi tăng 2,6% so với mức tăng 2,9% của tháng trước và mục tiêu lạm phát của Fed là 2%.

Tốc độ tăng của cả PCE toàn phần và PCE lõi đều phù hợp với dự báo, củng cố khả năng Fed sẽ không sớm có thêm đợt giảm lãi suất tiếp theo.

Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE)



Chỉ số giá tiêu dung cá nhân (PCE) lõi



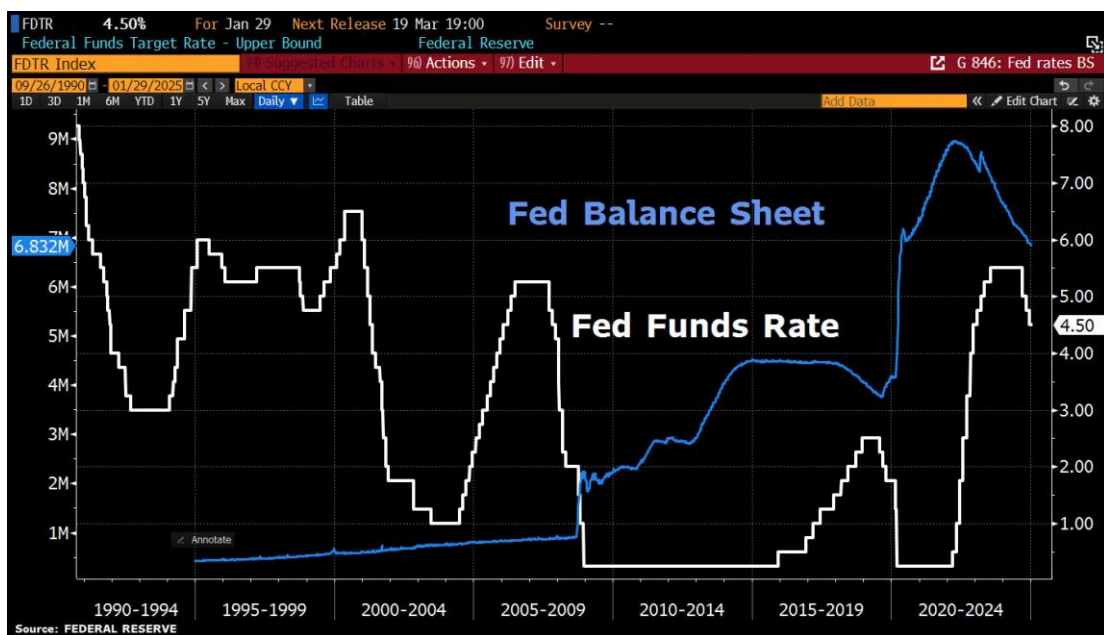
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ thực hiện 3 lần giảm 0,25 điểm phần trăm trong năm nay

Sau báo cáo việc làm yếu hơn dự báo ở tháng 2. Ngày 07/03, Chủ tịch Fed Jerome Powell đã phát đi thông điệp rõ ràng: Fed có thể chờ đợi. Ngân hàng trung ương Mỹ muốn thấy rõ hơn các chính sách quyết liệt của Tổng thống Donald Trump sẽ được triển khai ra sao trước khi đưa ra quyết định tiếp theo về lãi suất. Ông nhấn mạnh: "Sự bất ổn xung quanh các thay đổi và tác động tiềm tàng vẫn còn cao. Chúng tôi đang tập trung vào việc tách biệt tín hiệu thật sự với các thông tin nhiễu khi có thêm các diễn biến mới. Chúng tôi không cần phải vội vàng và đang ở vị thế tốt để chờ đợi sự rõ ràng hơn".

Khi các thị trường bị xáo trộn bởi những lập trường thay đổi của Trump – đặc biệt là kế hoạch thuế quan – các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ thực hiện 3 lần giảm 0,25 điểm phần trăm trong năm nay, bắt đầu từ tháng 6, theo chỉ số FedWatch của CME Group.

Trong các đánh giá của mình, Powell cũng nhận định khá tích cực về môi trường kinh tế vĩ mô, nói rằng Mỹ đang ở "vị thế tốt" với "thị trường lao động vững chắc" và lạm phát đang quay trở lại mục tiêu.



MEETING DATE	275-300	300-325	325-350	350-375	375-400	400-425	425-450
2025/03/19		0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	3.0%	97.0%
2025/05/07	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.9%	31.8%	67.3%
2025/06/18	0.0%	0.0%	0.0%	0.7%	23.6%	57.8%	17.9%
2025/07/30	0.0%	0.0%	0.2%	7.8%	34.2%	45.4%	12.4%
2025/09/17	0.0%	0.2%	5.8%	27.2%	42.5%	21.1%	3.3%
2025/10/29	0.1%	3.2%	17.4%	35.5%	30.8%	11.4%	1.5%
2025/12/10	0.1%	3.2%	17.2%	35.2%	30.9%	11.7%	1.7%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Các ngân hàng trung ương trên toàn cầu tiếp tục cắt giảm lãi suất

Dù Fed đã tạm dừng việc giảm lãi suất sau 3 đợt giảm vào năm ngoái, nhiều ngân hàng trung ương trên toàn cầu vẫn đang tiếp tục chu kỳ nới lỏng của mình để hỗ trợ nền kinh tế giữa môi trường toàn cầu nhiều bất định

Hôm 25/2, Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm, đưa lãi suất tham chiếu giảm về mức 2,75% từ mức 3% trước đó. Đây là mức lãi suất thấp nhất của BOK kể từ tháng 8/2022.

Hôm 26/2, Ngân hàng Trung ương Thái Lan (BOT) giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm về mức 2%.

Trong tuần trước, một số ngân hàng trung ương khác như New Zealand và Australia đã hạ lãi suất.

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 6/3 giảm lãi suất lần thứ 6 kể từ khi khởi động chu kỳ nới lỏng, đồng thời phát tín hiệu sẽ giảm lãi suất chậm lại trong thời gian tới.

Trên thị trường lãi suất tương lai, các nhà giao dịch đang nghiêng về khả năng Fed sẽ có đợt giảm lãi suất tiếp theo vào tháng 6 - kỳ vọng không thay đổi so với trước khi báo cáo PCE được công bố.

Global Central Bank Policy Rates							
Country	Rate	Central Bank Rate (Today)	CPI YoY	Real Central Bank Rate	YoY CPI Trend vs. Prior Reading	Last Move	Last Move Month
Japan	Policy Rate Bal	0.50%	4.0%	-3.5%	Higher	Hike	Jan-25
Switzerland	Target Rate	0.50%	0.4%	0.1%	Lower	Cut	Dec-24
Taiwan	Discount Rate	2.00%	2.7%	-0.7%	Higher	Hike	Mar-24
Thailand	Policy Rate	2.00%	1.3%	0.7%	Higher	Cut	Feb-25
Denmark	Current Account	2.10%	1.5%	0.6%	Lower	Cut	Mar-25
Sweden	Repo Rate	2.25%	1.3%	1.0%	Higher	Cut	Jan-25
Eurozone	Deposit Rate	2.50%	2.4%	0.1%	Lower	Cut	Mar-25
South Korea	Repo Rate	2.75%	2.0%	0.8%	Lower	Cut	Feb-25
Malaysia	Policy Rate	3.00%	1.7%	1.3%	Unchanged	Hike	May-23
Canada	Overnight	3.00%	1.9%	1.1%	Higher	Cut	Jan-25
China	Loan Prime Rate	3.10%	0.5%	2.6%	Higher	Cut	Oct-24
Czech Republic	Repo Rate	3.75%	2.8%	1.0%	Lower	Cut	Feb-25
New Zealand	Cash Rate	3.75%	2.2%	1.6%	Unchanged	Cut	Feb-25
Australia	Cash Rate	4.10%	2.5%	1.6%	Unchanged	Cut	Feb-25
US	Fed Funds	4.38%	3.0%	1.4%	Higher	Cut	Dec-24
Norway	Deposit Rate	4.50%	2.3%	2.2%	Higher	Hike	Dec-23
UK	Bank Rate	4.50%	3.0%	1.5%	Higher	Cut	Feb-25
Hong Kong	Base Rate	4.75%	2.0%	2.8%	Unchanged	Cut	Dec-24
Peru	Policy Rate	4.75%	1.5%	3.3%	Lower	Cut	Jan-25
Chile	Base Rate	5.00%	4.9%	0.1%	Higher	Cut	Dec-24
Saudi Arabia	Repo Rate	5.00%	1.3%	3.7%	Higher	Cut	Dec-24
Poland	Repo Rate	5.75%	5.3%	0.5%	Higher	Cut	Oct-23
Philippines	Key Policy Rate	5.75%	2.1%	3.7%	Lower	Cut	Dec-24
Indonesia	Repo Rate	5.75%	-0.1%	5.8%	Lower	Cut	Jan-25
India	Repo Rate	6.25%	4.3%	1.9%	Lower	Cut	Feb-23
South Africa	Repo Rate	7.50%	3.2%	4.3%	Higher	Cut	Jan-25
Colombia	Repo Rate	9.50%	5.2%	4.3%	Higher	Cut	Dec-24
Mexico	Overnight Rate	9.50%	3.6%	5.9%	Lower	Cut	Feb-25
Brazil	Target Rate	13.25%	4.6%	8.7%	Lower	Hike	Jan-25
Russia	Key Policy Rate	21.00%	9.9%	11.1%	Higher	Hike	Oct-24
Argentina	Overnight Repo	29.00%	84.5%	-55.5%	Lower	Cut	Jan-25
Turkey	Repo Rate	42.50%	39.1%	3.5%	Lower	Cut	Mar-25

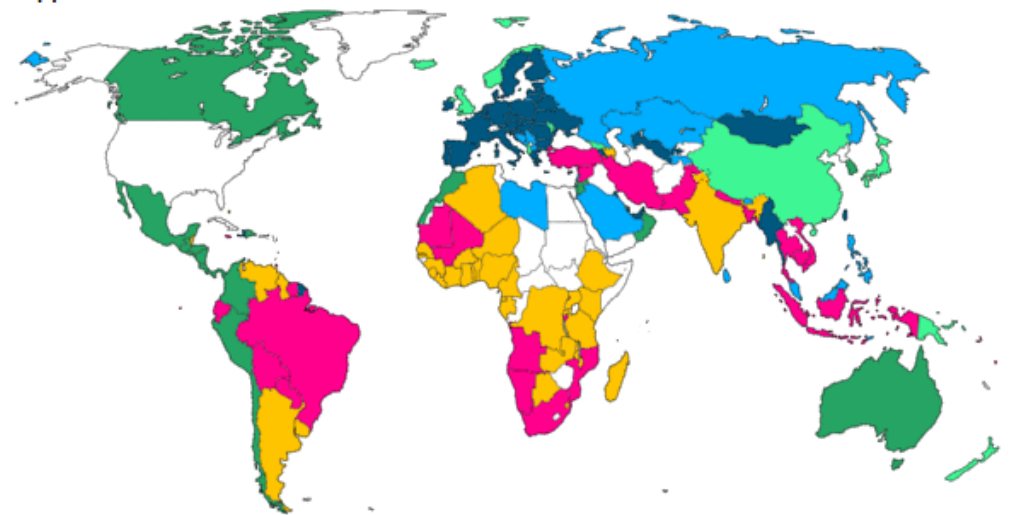
Cập nhật diễn biến thuế quan

- Các mức thuế đã áp dụng: Thuế 10% lên hàng Trung Quốc (tổng cộng 20% từ 4/3), thuế 25% lên thép và nhôm (từ 4/3).
- Các mức thuế tạm hoãn: Thuế 25% lên Canada và Mexico. Ban đầu được dự kiến áp dụng từ ngày 2/4/2025, nhưng theo tuyên bố của ông Trump vào ngày 6/3/2025, mức thuế này đã được hoãn thêm 1 tháng (tức đến khoảng 2/5/2025) đối với các sản phẩm đáp ứng điều kiện của Hiệp định USMCA.
- Các mức thuế sắp công bố: Thuế 25% lên gỗ và sản phẩm lâm nghiệp (dự kiến đầu tháng 4), cùng ô tô, chất bán dẫn, dược phẩm (chưa rõ thời điểm cụ thể). Bên cạnh đó, Ông Trump đã ám chỉ trên Truth Social (28/2) rằng ông có thể áp thuế bổ sung lên EU nếu EU không tăng mua nông sản Mỹ (đặc biệt khí đốt và đậu nành). Điều này chưa chính thức, nhưng là một rủi ro tiềm tàng.
- Thuế quan có đi có lại: Đang được lên kế hoạch, áp dụng cho tất cả quốc gia có rào cản thương mại với Mỹ.
- Ông Trump đã yêu cầu khởi động một cuộc điều tra chống bán phá giá đối với kim loại đồng, có thể dẫn tới việc áp thuế quan như đối với nhôm và thép.

Thuế quan của Mỹ so với các nước khác

Economies' Tariffs on US Versus US Tariffs on Them

- Free trade agreement ■ Lower than US tariffs
- Exceeds US tariffs by < 2ppt ■ 2 to 5ppt ■ 5 to 10ppt
- 10ppt or more



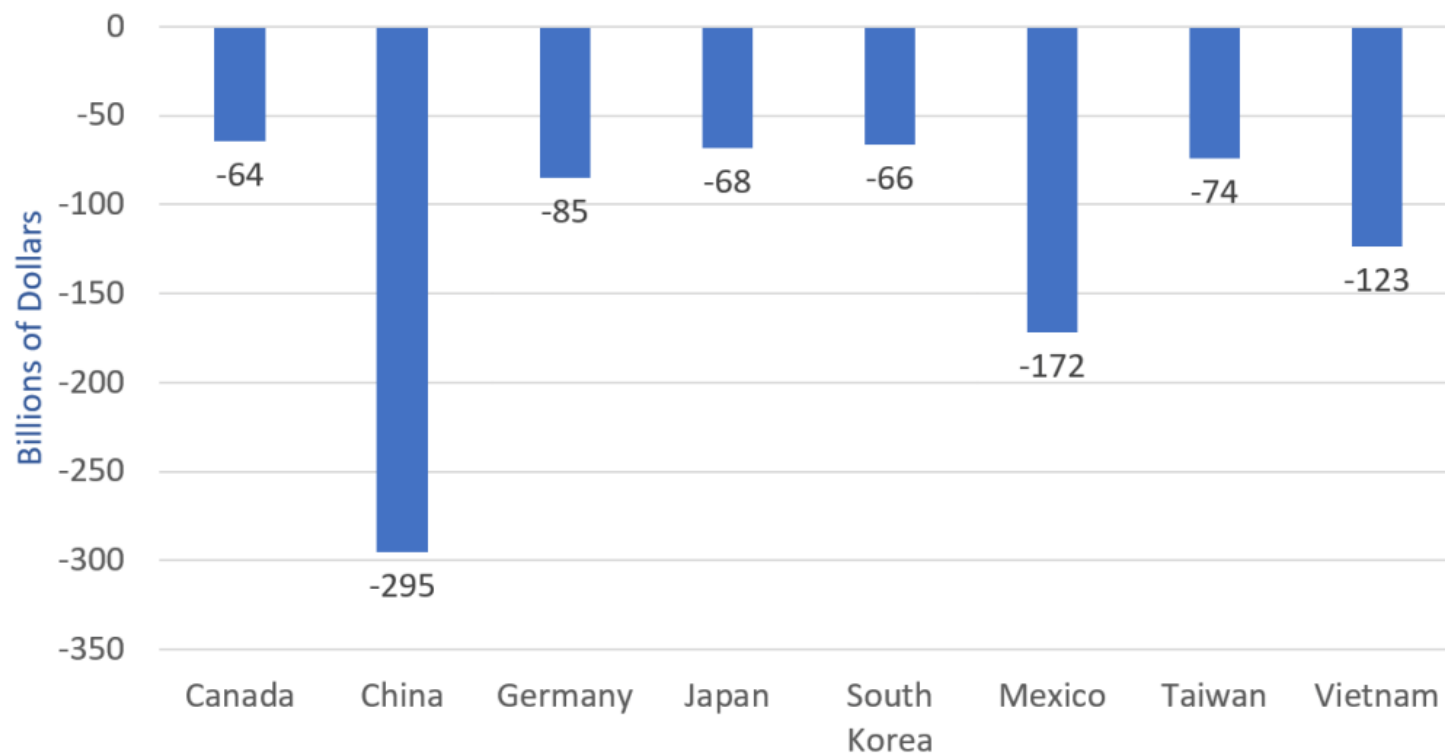
Source: UNCTAD TRAINS, Office of the United States Trade Representative
Note: Uses simple average (effectively applied rates) from latest year available (2023 or earlier). Uses EU average for all EU countries. US-China accounts for all additional tariffs (Bloomberg Economics' estimates.). Mapped data show tariffs for distinct economies.

Thuế quan có đi có lại sẽ được xây dựng thuế suất phù hợp với từng quốc gia dựa trên kết quả điều tra dự kiến sẽ có vào ngày 1/4

Theo bản ghi nhớ từ Nhà Trắng, mức thuế nhập khẩu mới sẽ được điều chỉnh riêng cho từng đối tác thương mại của Mỹ. Mục tiêu không chỉ là đối phó với mức thuế mà các nước đối tác áp lên hàng hóa Mỹ, mà còn nhắm đến những yếu tố khác được cho là gây bất lợi cho các nhà sản xuất Mỹ. Các yếu tố này bao gồm trợ cấp doanh nghiệp được xem là không công bằng, các quy định pháp lý, thuế giá trị gia tăng (VAT), tỷ giá hối đoái và việc bảo vệ sở hữu trí tuệ còn lỏng lẻo.

Trong chiến dịch tranh cử, Trump từng dọa áp thuế phổ quát 20% đối với hàng nhập khẩu từ tất cả các nước, ngoại trừ Trung Quốc sẽ chịu mức thuế 60%. Tuy nhiên, sau đó ông đã hạ mức thuế với Trung Quốc xuống còn 10%. Chính sách đối ứng mới sẽ linh hoạt hơn, được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của từng mối quan hệ thương mại. Điều này có nghĩa một số quốc gia - đặc biệt là những nước có ít rào cản đối với các công ty Mỹ - có thể được miễn giảm phần lớn thuế quan

2024 Balance of Trade Select Counties
Billions of US Dollars



Thâm hụt thương mại của 8 quốc gia chiếm 948 tỷ trong tổng số 1.203 nghìn tỷ thâm hụt của Mỹ

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

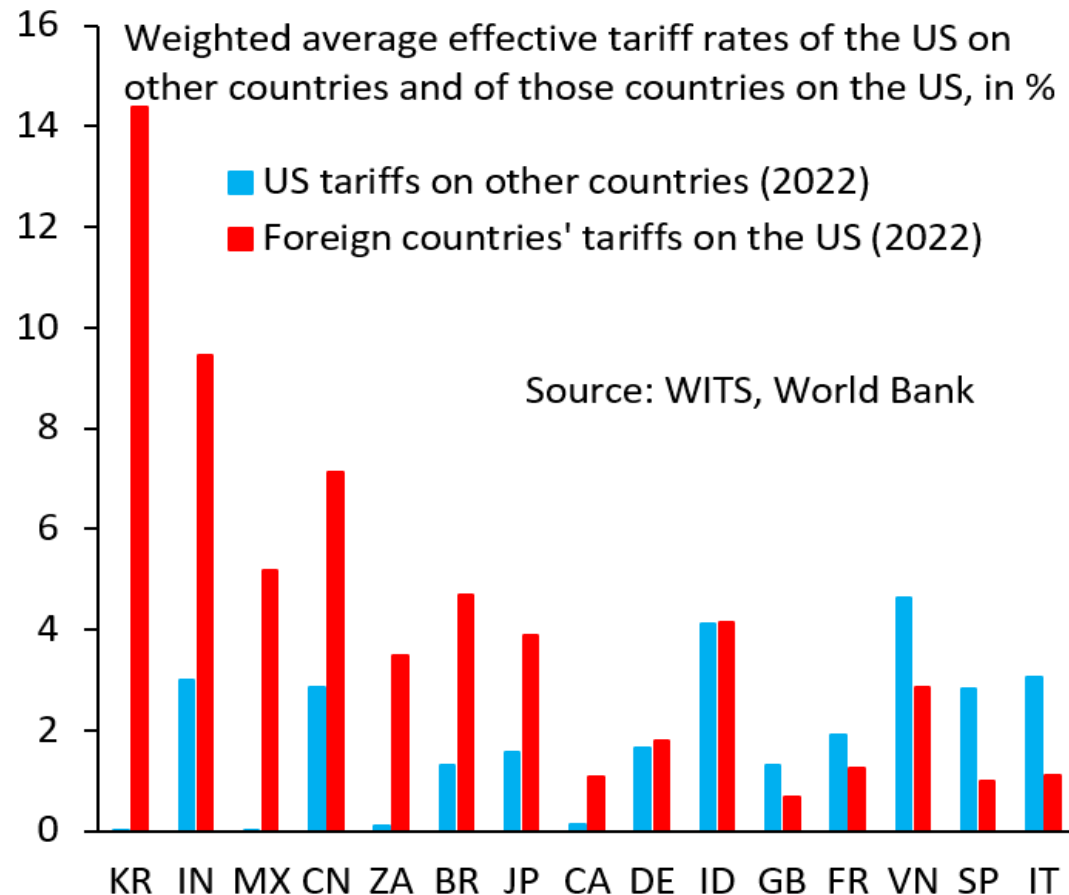
Thuế quan có đi có lại sẽ được xây dựng thuế suất phù hợp với từng quốc gia dựa trên kết quả điều tra dự kiến sẽ có vào ngày 1/4

Tổng thống Trump đang lên kế hoạch áp thuế quan qua lại đối với các quốc gia áp dụng mức thuế cao hơn đối với Hoa Kỳ (màu đỏ) so với mức thuế mà Mỹ áp dụng đối với họ (màu xanh). Phần lớn sự tập trung ở đây là vào EU, nhưng EM mới là nước gặp rắc rối. Hàn Quốc (KR), Ấn Độ (IN), Mexico (MX) và Trung Quốc (CN) nổi bật...

Việt Nam (VN) không phải là một trong những quốc gia có mức độ bất đối xứng thuế quan cao ở Châu Á. Một phần là do thuế quan của Mỹ đối với Việt Nam khá cao, do thuế quan cao đối với những mặt hàng như dệt may và giày dép...

Tổng thống Donald Trump cho biết ông sẽ công bố mức thuế 25% đối với tất cả các mặt hàng thép và nhôm nhập khẩu.

Thuế quan trả đũa của Trung Quốc đối với hàng hóa Mỹ đã chính thức có hiệu lực. Trung Quốc hiện đang áp thuế đối với hàng hóa trị giá khoảng 14 tỷ đô la để đáp trả mức thuế 10% mà Trump áp đặt trước đó. Cuộc chiến thương mại đã chính thức **BẮT ĐẦU**.



THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Energy	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Crude OilUSD/Bbl	67.05	-3.9%	-7.3%	-6.5%	-13.5%
BrentUSD/Bbl	70.38	-3.3%	-7.2%	-5.7%	-13.7%
Natural gasUSD/MMBtu	4.401	14.8%	27.8%	21.1%	128.9%
GasolineUSD/Gal	2.1079	-5.5%	-0.1%	4.8%	-16.4%
Heating OilUSD/Gal	2.2092	-4.9%	-9.9%	-4.7%	-14.7%
CoalUSD/T	104.7	4.6%	-2.4%	-16.4%	-22.7%
TTF GasEUR/MWh	38.77	-12.5%	-33.5%	-23.2%	46.9%
UK GasGBP/thm	99.353	-4.9%	-29.5%	-20.8%	51.0%
EthanolUSD/Gal	1.6975	-1.0%	-4.1%	0.4%	8.1%
NaphthaUSD/T	597.44	-8.8%	-8.2%	-2.3%	-13.1%
UraniumUSD/Lbs	64.65	-1.4%	-7.2%	-11.4%	-29.0%
PropaneUSD/Gal	0.85	-8.4%	-8.1%	9.2%	3.1%
MethanolCNY/T	2650	1.8%	0.5%	-4.2%	3.6%
Urals OilUSD/Bbl	65.49	-4.7%	-6.7%	-4.4%	-11.8%

Livestock	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Feeder CattleUSd/Lbs	274.94	2.7%	-2.0%	4.4%	8.4%
Live CattleUSd/Lbs	192.63	-2.6%	-6.9%	0.6%	3.9%
Lean HogsUSd/Lbs	83.675	-4.6%	-0.3%	2.9%	-3.4%
BeefBRL/15KG	310.95	-1.0%	-4.6%	-2.0%	24.7%
PoultryBRL/Kgs	8.31	-3.2%	-0.1%	0.1%	13.4%
Eggs USUSD/Dozen	8.05	-0.1%	13.6%	38.6%	164.1%
Eggs CHCNY/T	3241	5.9%	0.3%	-8.0%	2.5%
SalmonNOK/KG	82.23	-5.4%	-6.8%	-12.4%	-0.1%

Agricultural	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
SoybeansUSd/Bu	1011.5	-2.7%	-4.6%	1.3%	-11.3%
WheatUSd/Bu	543.75	-7.8%	-3.3%	-1.4%	-5.6%
LumberUSD/1000 board feet	634.57	2.2%	10.2%	15.4%	7.5%
Palm OilMYR/T	4553	-2.4%	6.3%	2.5%	14.7%
CheeseUSD/Lbs	1.824	-1.6%	-4.0%	-4.1%	6.7%
MilkUSD/CWT	20.23	0.1%	-0.3%	8.1%	19.3%
RubberUSD Cents / Kg	202.2	-0.8%	2.5%	2.4%	25.2%
Orange JuiceUSd/Lbs	301.2	-2.7%	-36.9%	-39.5%	-14.4%
CoffeeUSd/Lbs	378.53	-4.3%	3.9%	18.1%	93.3%
CottonUSd/Lbs	63.83	-3.4%	-4.2%	-6.6%	-37.2%
RiceUSD/cwt	13.28	-2.4%	-6.0%	-5.3%	-27.4%
CanolaCAD/T	634.15	-5.1%	-0.4%	4.2%	9.9%
OatUSd/Bu	356.26	0.1%	1.8%	7.8%	-4.0%
WoolAUD/100Kg	1195	0.9%	0.8%	3.6%	3.2%
SugarUSd/Lbs	18.5	-13.2%	-4.7%	-4.1%	-18.1%
CocoaUSD/T	8803.9	-3.1%	-24.6%	-23.5%	36.2%
TealNR/Kgs	143.95	-1.7%	-6.0%	-15.4%	22.5%
Sunflower OilUSD/T	1370.7	0.0%	7.9%	8.1%	69.2%
RapeseedEUR/T	532.79	0.4%	6.5%	4.5%	29.3%
BarleyINR/T	2100	0.0%	0.0%	-13.4%	3.3%
ButterEUR/T	7280	3.3%	-0.1%	-0.3%	22.8%
PotatoesEUR/100KG	22	-16.4%	-35.3%	-24.7%	-43.3%
CornUSd/BU	453.01	-7.6%	-8.9%	-1.2%	5.5%

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Metals	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
GoldUSD/t.oz	2856.9	-2.6%	3.5%	8.9%	39.8%
SilverUSD/t.oz	31.131	-4.2%	0.9%	7.8%	37.3%
CopperUSD/Lbs	4.5295	-0.1%	6.3%	13.6%	17.9%
SteelCNY/T	3283	-0.5%	0.8%	-0.8%	-12.8%
LithiumCNY/T	75200	-1.3%	-3.2%	0.2%	-25.9%
Iron Ore CNYCNY/T	792	-4.9%	-1.6%	1.7%	-11.2%
PlatinumUSD/t.oz	941	-3.5%	-2.6%	5.3%	7.4%
HRC SteelUSD/T	912	1.3%	24.1%	28.6%	16.0%
Iron OreUSD/T	106.9	-0.2%	5.5%	3.2%	-14.4%
TitaniumCNY/KG	47	2.2%	3.3%	5.6%	-10.5%

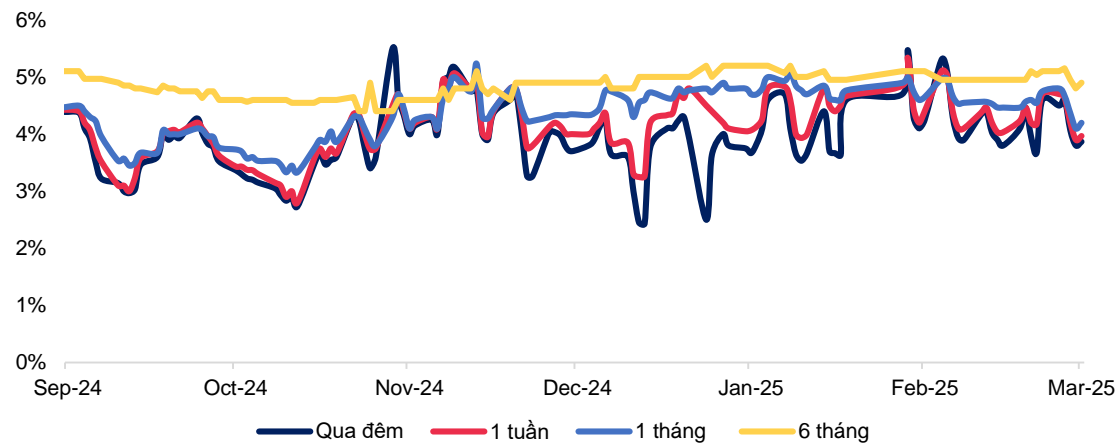
Index	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
CRB IndexIndex Points	365.48	-2.9%	-1.5%	2.4%	15.3%
LME IndexIndex Points	4085.3	-2.6%	2.3%	4.6%	10.6%
GSCI Index Points	553.58	-2.8%	-1.9%	0.7%	-0.8%
SSE Consume Commodity	7763.8	-0.9%	4.6%	-1.4%	-9.4%
Containerized Freight	1515.3	-5.0%	-25.9%	-38.4%	-28.2%
Nuclear Energy IndexUSD	24.87	-4.9%	-12.4%	-7.1%	-9.4%
Solar Energy IndexUSD	32.4	-5.9%	-3.3%	-3.8%	-24.9%
EU Carbon PermitsEUR	71	-3.9%	-14.4%	-2.7%	22.1%
Wind Energy IndexUSD	15.12	1.0%	4.1%	2.2%	-0.4%

Industrial	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
BitumenCNY/T	3689	-4.4%	-2.8%	0.0%	0.5%
CobaltUSD/T	22880	6.2%	-3.7%	-5.8%	-19.9%
LeadUSD/T	1994.6	-0.7%	1.3%	2.2%	-3.1%
AluminumUSD/T	2608.1	-2.5%	-0.5%	2.2%	17.1%
TinUSD/T	32404	-0.9%	9.3%	11.4%	22.9%
ZincUSD/T	2800.7	-4.4%	0.4%	-6.0%	15.5%
NickelUSD/T	15590	0.7%	1.2%	1.9%	-11.8%
MolybdenumCNY/Kg	469	0.0%	0.0%	0.0%	5.8%
PalladiumUSD/t.oz	901.5	-7.6%	-7.5%	1.4%	-4.3%
RhodiumUSD/t oz.	4725	1.1%	1.6%	3.3%	7.4%
PolyethyleneCNY/T	8089	1.3%	3.1%	-5.1%	0.2%
PolyvinylCNY/T	4864	-1.2%	0.1%	-1.3%	-12.5%
PolypropyleneCNY/T	7298	-1.0%	-0.3%	-1.1%	-1.0%
Soda AshCNY/T	1498	5.5%	0.3%	-2.0%	-31.6%
NeodymiumCNY/T	562000	0.8%	9.7%	13.1%	18.3%
TelluriumCNY/Kg	695	0.0%	3.0%	7.8%	23.5%
UreaUSD/T	395	-1.3%	10.4%	17.0%	-1.9%
Di-ammoniumUSD/T	612.5	2.1%	4.7%	6.1%	4.7%
MagnesiumCNY/T	16500	-1.8%	-2.9%	-2.9%	-17.7%
GalliumCNY/Kg	1745	-1.7%	-3.3%	-15.9%	-17.9%
GermaniumCNY/Kg	15950	-1.9%	-4.8%	-9.1%	69.7%
ManganeseCNY/mtu	30.25	0.0%	3.4%	5.2%	1.7%
IndiumCNY/Kg	2595	0.0%	-0.4%	2.0%	30.7%
Kraft PulpCNY/T	5876	-1.6%	-4.6%	0.2%	1.3%

Lãi suất

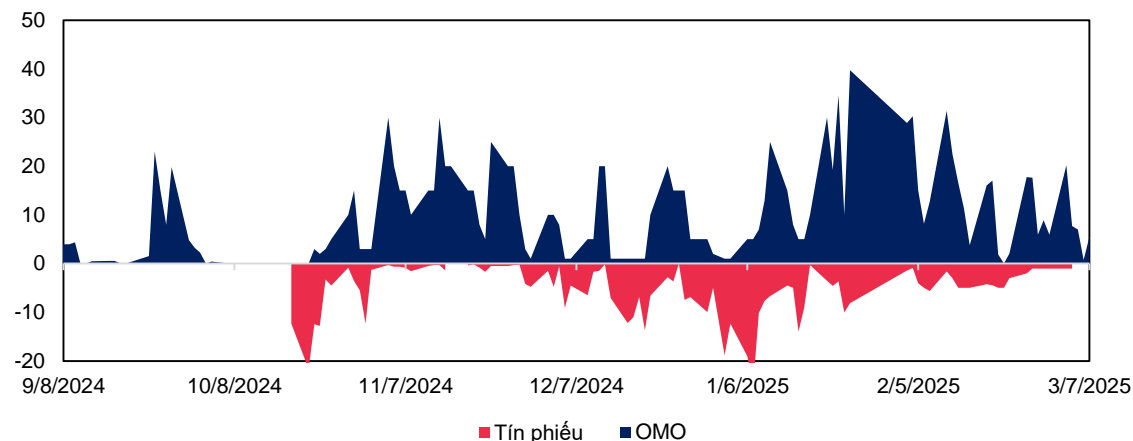
- Tuần vừa rồi ghi nhận nhiều động thái mới của NHNN trên thị trường mở. Cụ thể, NHNN đã ngưng phát hành tín phiếu và thực hiện chào mua giấy tờ có giá kỳ hạn lên tới 91 ngày kể từ ngày 5/3, qua đó phản ánh định hướng hỗ trợ thanh khoản và kéo giảm mặt bằng lãi suất liên ngân hàng nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong tuần, tổng trị giá tín phiếu phát hành ước đạt gần 2 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày với mức lãi suất 3.1% - 3.2%. Ở chiều ngược lại, NHNN bơm ra thị trường hơn 41.1 nghìn tỷ đồng thông qua kênh OMO với kỳ hạn 7 - 28 ngày và lãi suất 4%. Cùng với đó, lượng tín phiếu trị giá gần 6 nghìn tỷ đồng và gần 46 nghìn tỷ đồng trên kênh mua kỳ hạn đã đáo hạn trong kỳ. Như vậy, trong tuần này NHNN đã hút ròng hơn 858 tỷ đồng ra khỏi hệ thống - quy mô hút ròng đã giảm gần 4 lần so với tuần trước. Chúng tôi ước tính khoảng gần 2 nghìn tỷ đồng tín phiếu sẽ đáo hạn trong tuần này.
- Những động thái hỗ trợ mạnh mẽ của NHNN đã giúp lãi suất liên ngân hàng giảm đáng kể trong tuần. Cụ thể, lãi suất qua đêm đã giảm 7 điểm cơ bản so với cuối tuần trước về mức 3.9% vào cuối tuần này. Các kỳ hạn dưới 1 tháng hiện dao động trong khoảng 4% - 4.1%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng đang giao dịch ở mức 4.9%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

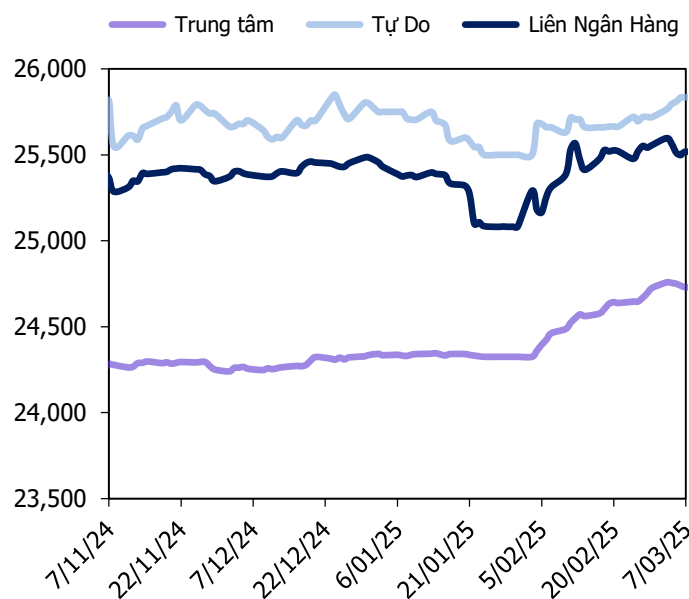


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

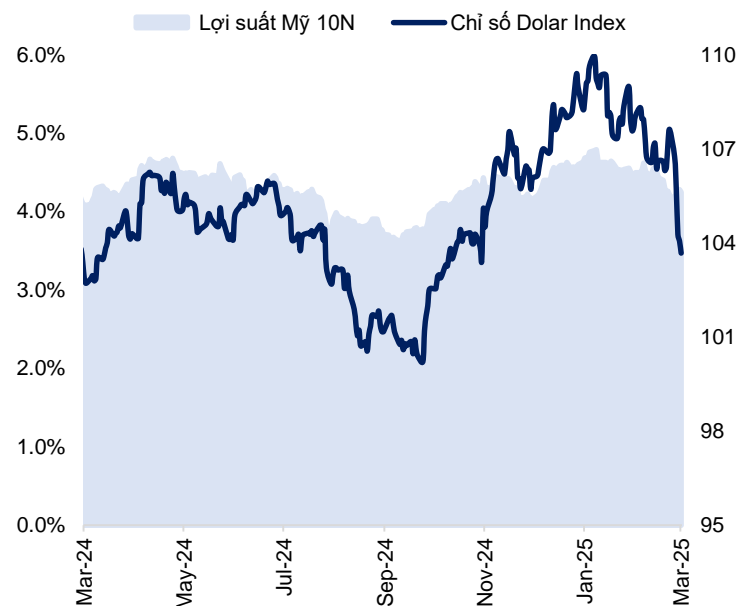
Các lo ngại về sự không chắc chắn trong triển vọng tăng trưởng kinh tế cũng như chính sách thuế quan đã khiến chỉ số DXY trượt về mức thấp nhất trong vòng 4 tháng trở lại đây tại 103.7 vào cuối tuần vừa qua. Vào ngày 3/3, Tổng thống Mỹ tuyên bố lệnh áp thuế 25% lên hàng hoá nhập khẩu từ Canada, Mexico sẽ có hiệu lực từ 4/3, và đồng thời tăng thuế đối với hàng hoá Trung Quốc lên 20%. Tuy nhiên, chỉ một ngày sau đó, Nhà Trắng lại tuyên bố sẽ hoãn áp thuế đối với nhiều mặt hàng từ Canada và Mexico trong vòng 1 tháng. Bên cạnh đó, các dữ liệu kinh tế Mỹ cũng không quá tích cực với: giá nguyên vật liệu đầu vào tại các nhà máy tăng lên mức cao nhất gần ba năm, thâm hụt thương mại đạt mức cao kỷ lục trong tháng 1, số lượng việc làm phi nông nghiệp tăng yếu hơn dự báo, tỷ lệ thất nghiệp tăng lên 4.1%. Ngoài ra, đồng USD cũng chịu áp lực khi đồng EUR tăng khoảng 4% trong tuần – mức tăng tuần lớn nhất kể từ tháng 3/2020 – khi triển vọng tăng trưởng của châu Âu được cải thiện sau khi Đức đề xuất quỹ cơ sở hạ tầng trị giá 500 tỷ EUR. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng đang ở mức 25,518 VND/USD. Tỷ giá tại thị trường tự do hiện đang giao dịch tại 25,760 VND/USD, và tỷ giá trung tâm niêm yết tại 24,730 VND/USD.

Tỷ giá USD/VND



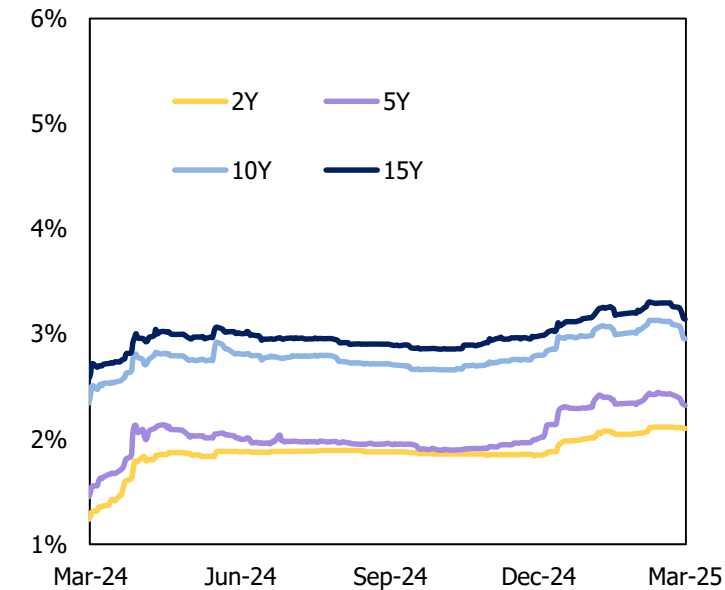
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP

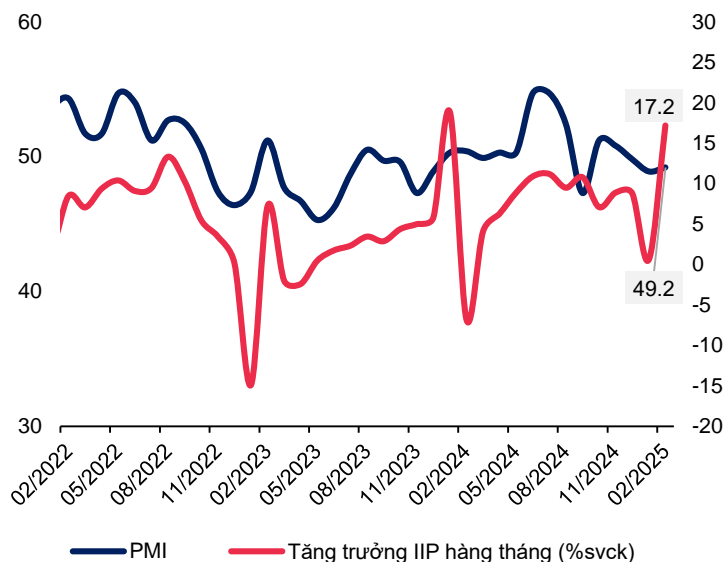


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

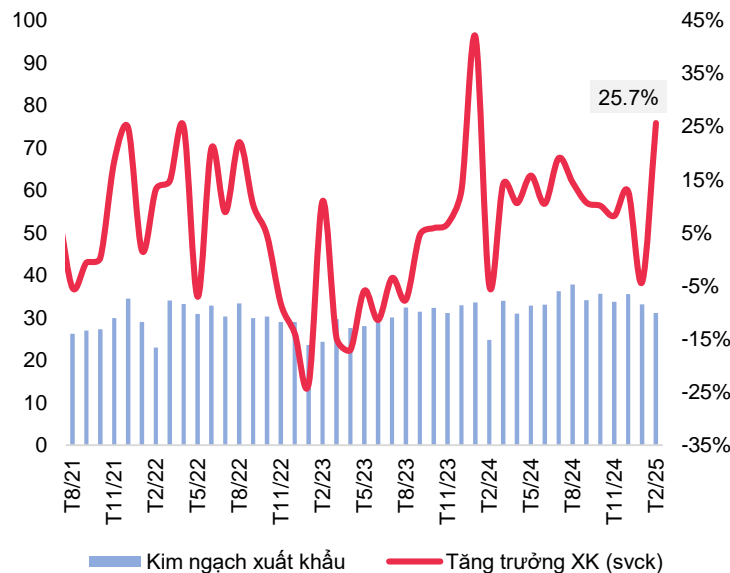
- Trong T2/25, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 31.11 tỷ USD, tăng 25.7% svck. Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ do tháng 2 năm trước có kỳ nghỉ Tết nên số ngày làm việc của tháng 2 năm nay nhiều hơn năm ngoái. Theo đó chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T2/25 ước tính giảm 2.2% so với tháng trước và tăng 17.2% svck. Luỹ kế từ đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 1.47 tỷ USD, tuy nhiên mức này giảm đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái với mức xuất siêu 5.13 tỷ USD, do các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu hàng hóa trước những lo ngại về tác động của các mức thuế mới của Mỹ lên chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong 2T25, nhóm hàng tư liệu sản xuất nhập khẩu đạt gần 59 tỷ USD (+15.4% svck) – mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.4% svck trong tháng 2. Tính chung 2 tháng 2025, tổng mức bán lẻ tăng 9.4% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng tăng 6.2% svck.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



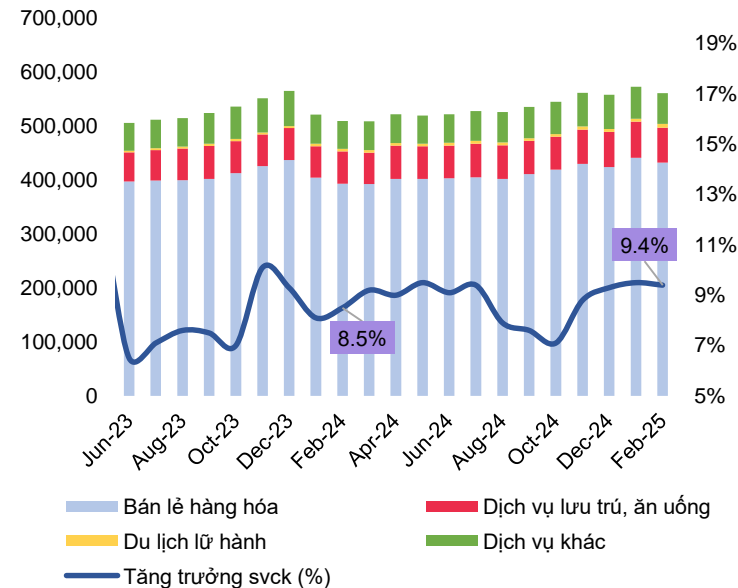
Nguồn: TCTK, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



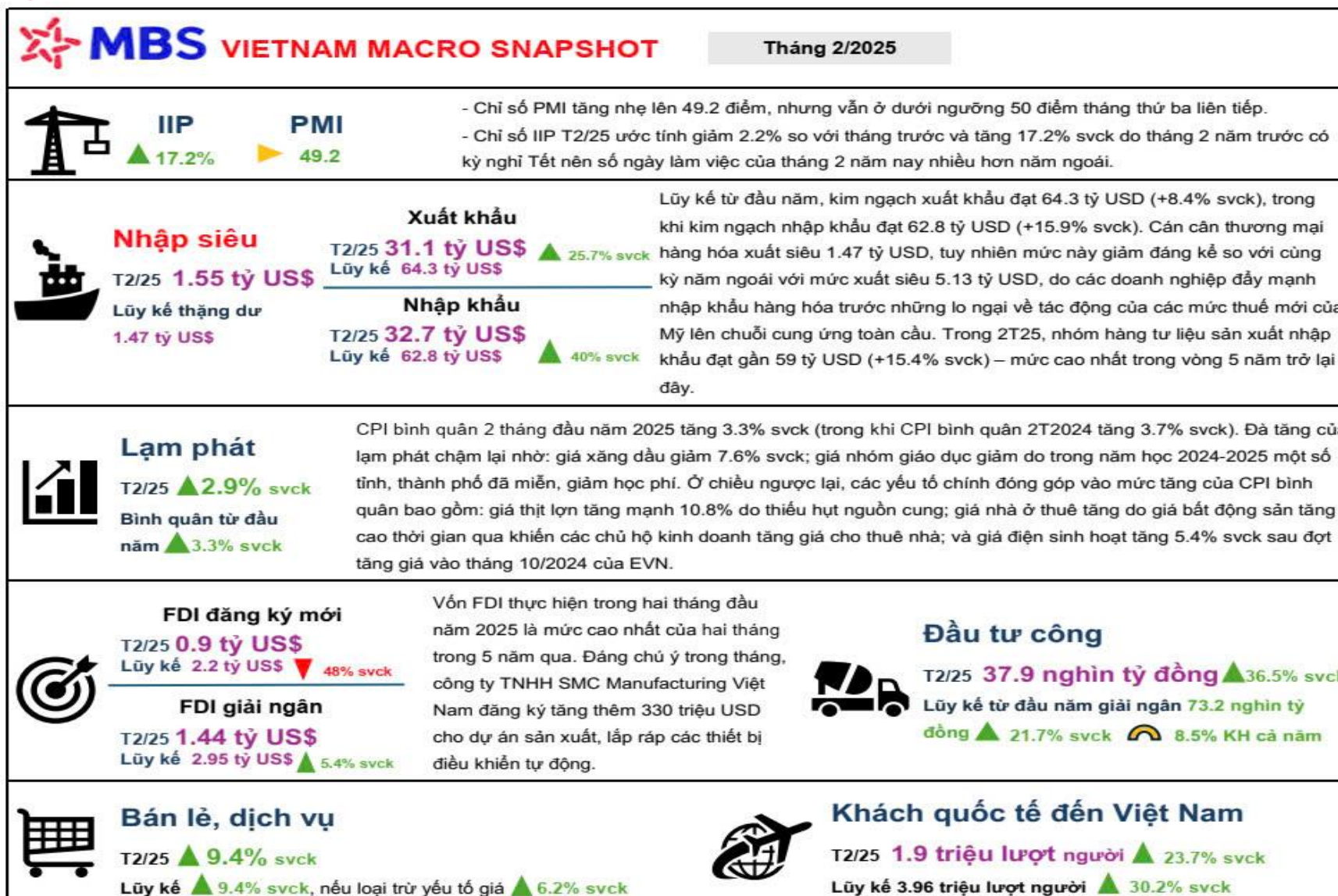
Nguồn: TCTK, MBS Research

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

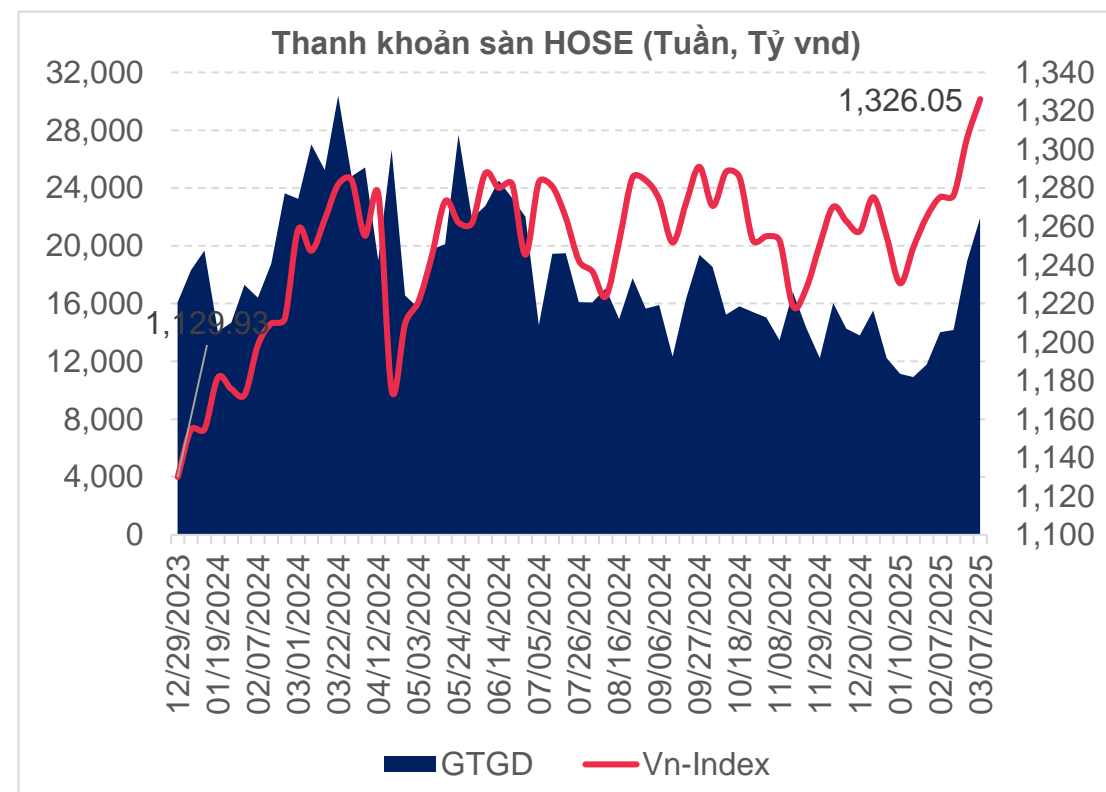
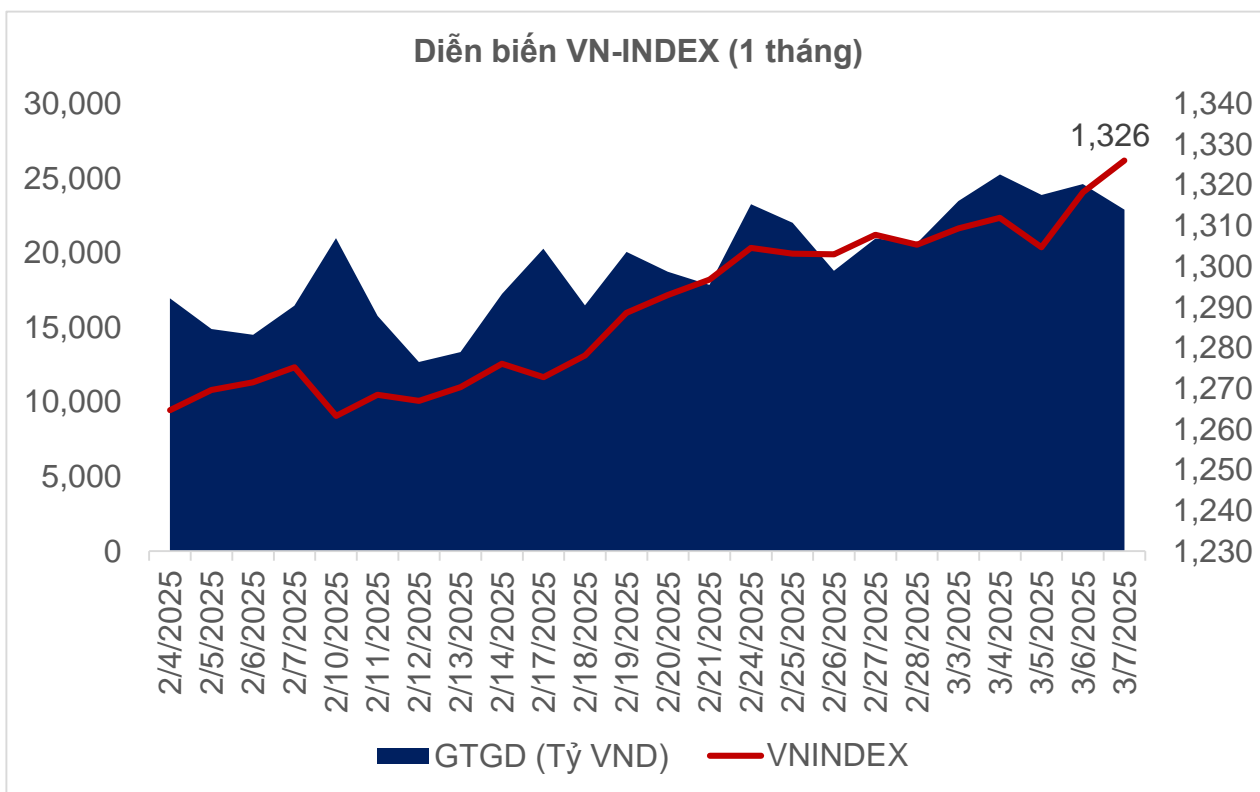


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Chỉ số Vn-Index đã tăng 7 tuần liên tiếp, lấy lại hơn 100 điểm và trụ vững trên ngưỡng 1.300 điểm

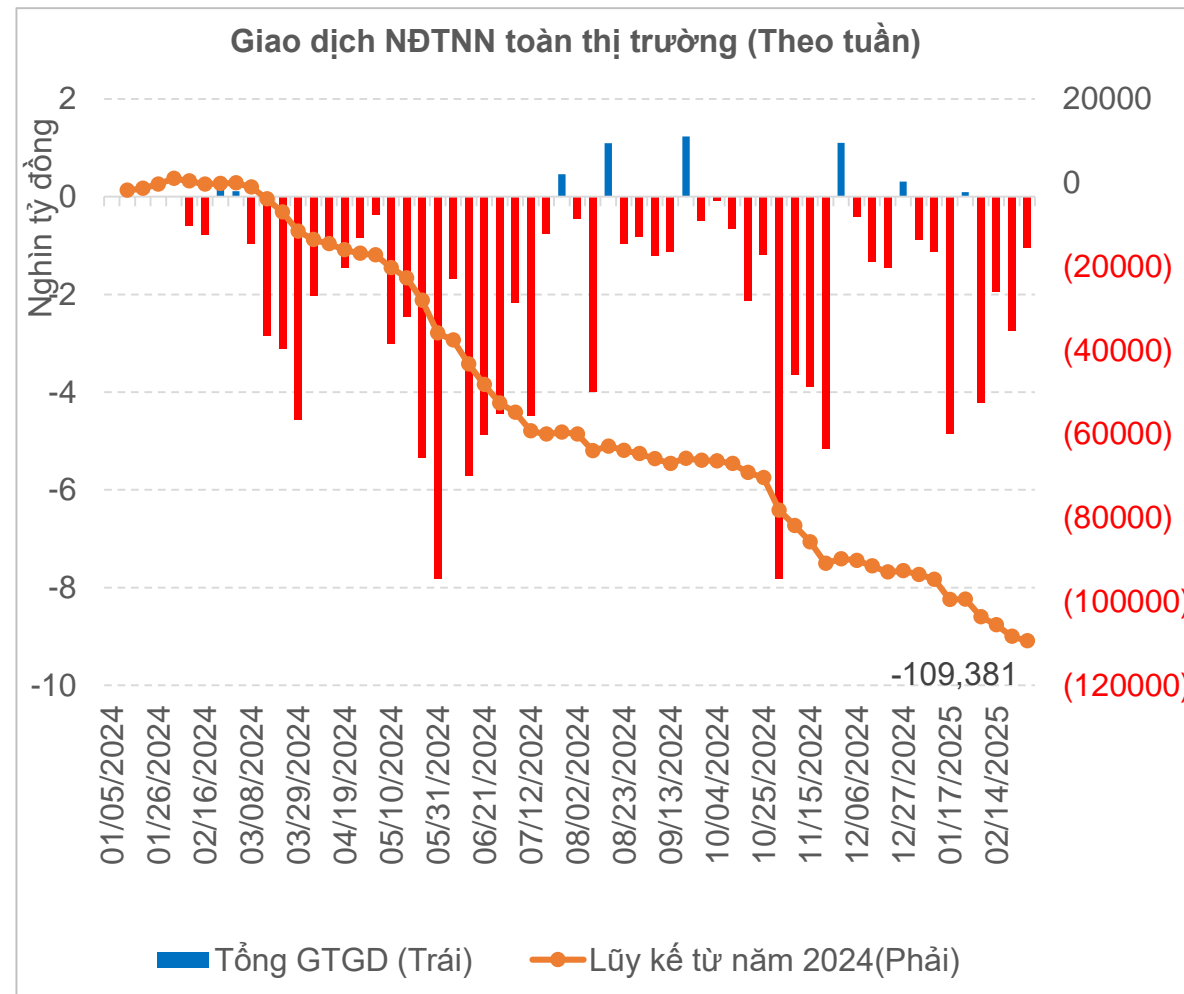
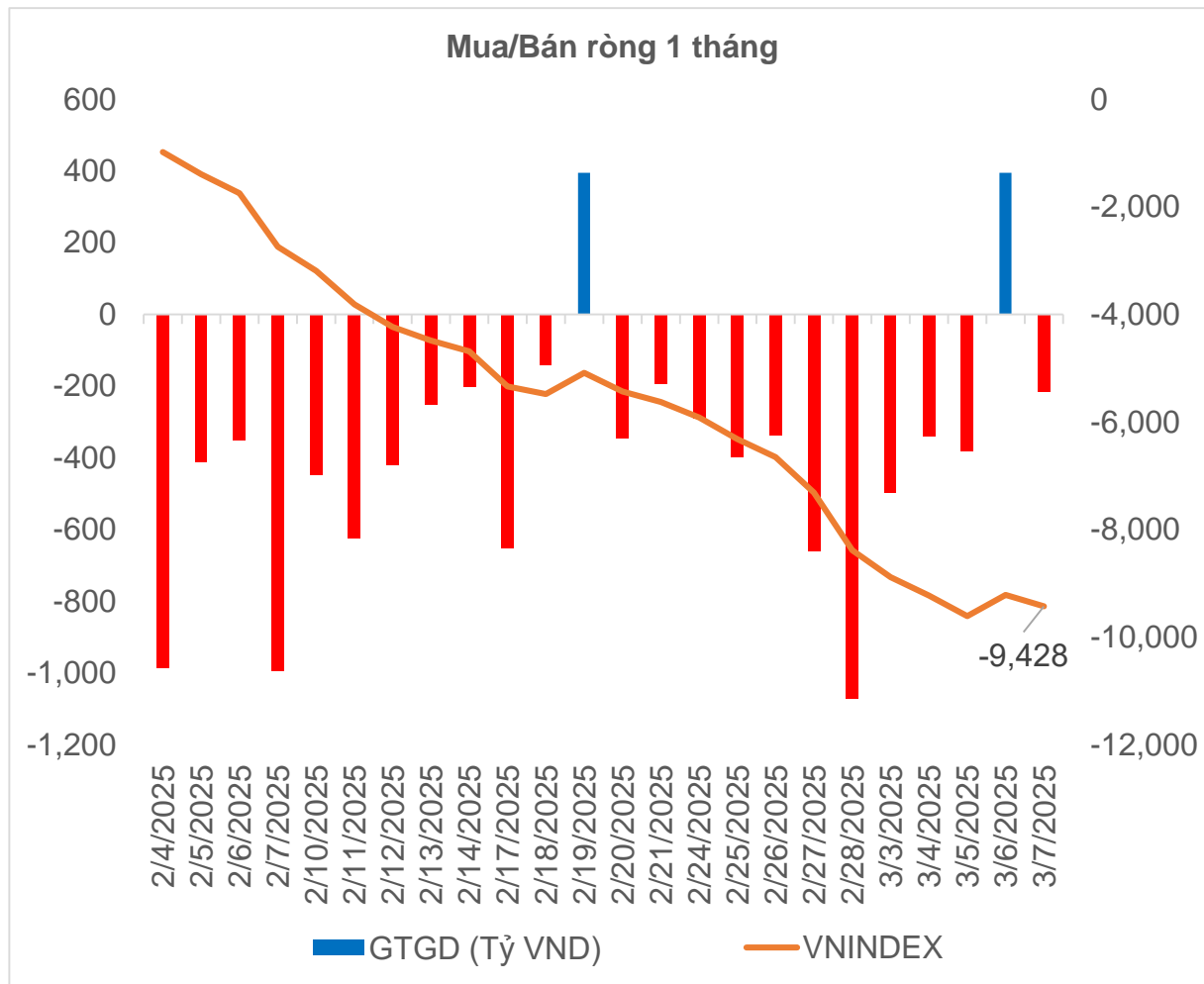
Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.326,05 điểm, tăng +20,69 điểm, tương đương tăng +1,59% so với tuần trước, đánh dấu tuần tăng thứ 7 liên tiếp, tương đương chuỗi tăng dài nhất kể từ cuối tháng 8/2022. Mức tăng trong tuần vừa qua chủ yếu tập trung ở nhóm Bluechips với Vn30 tăng mạnh +2,46%, trong khi Midcap chỉ tăng nhẹ +0,49%, thậm chí Smallcap còn giảm -0,92%. Một số nhóm cổ phiếu nổi bật như: Vingroup (+8,95%), Bán lẻ (+3,5%), Chứng khoán (3,1%). Ở chiều ngược lại, Dệt may (-2,16%), Thủy sản (-1,91%), Dầu khí (-1,42%). Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 24.019 tỷ đồng, tăng +13,6% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng +7% lên 20.808 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tuần vừa qua đã đạt mức cao nhất trong vòng 9 tháng trở lại đây. Thanh khoản tuần đầu tháng 3 đã tăng +34,5% so với tháng 2. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 18.235 tỷ đồng, giảm -13,5% so với mức bình quân năm 2024.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



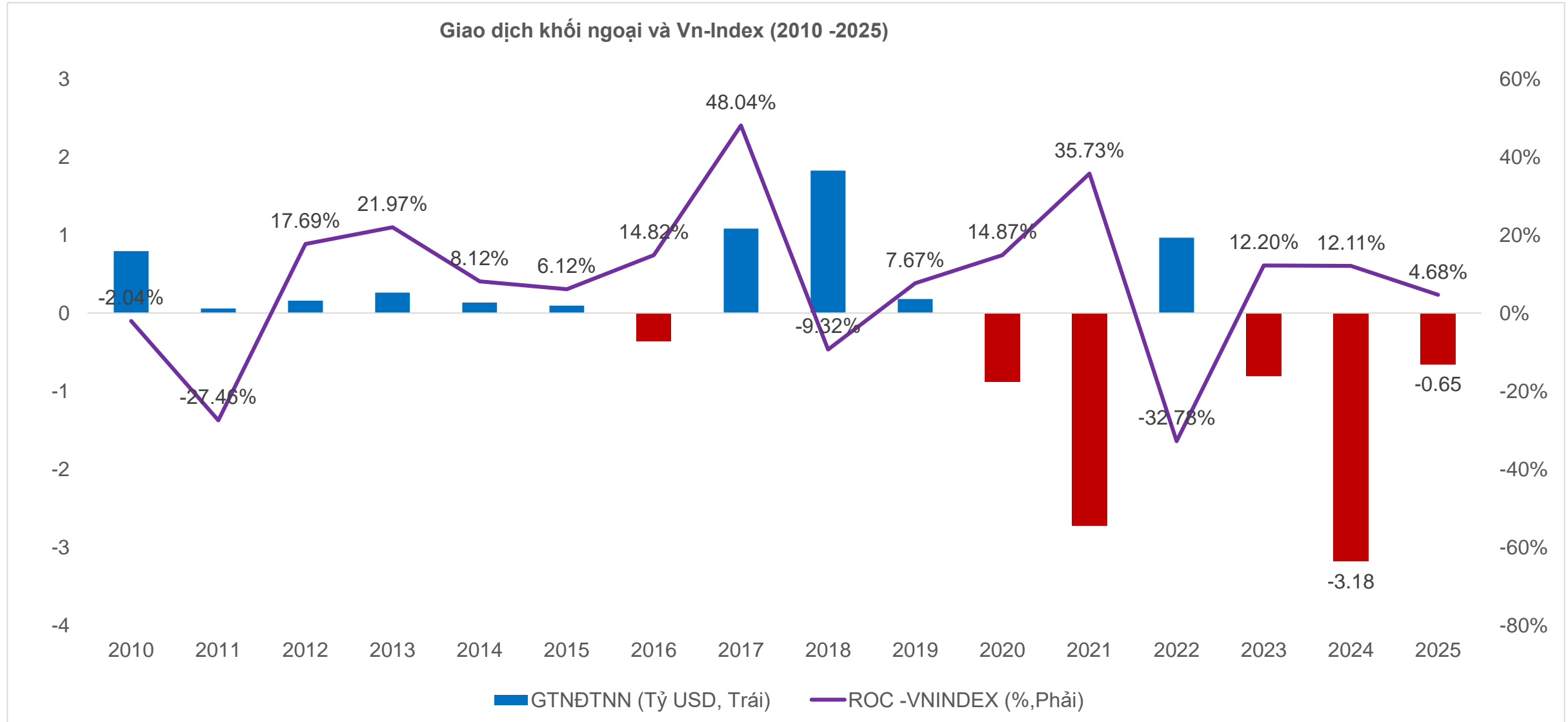
Khối ngoại bán ròng -1.043 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -17.650 tỷ đồng



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



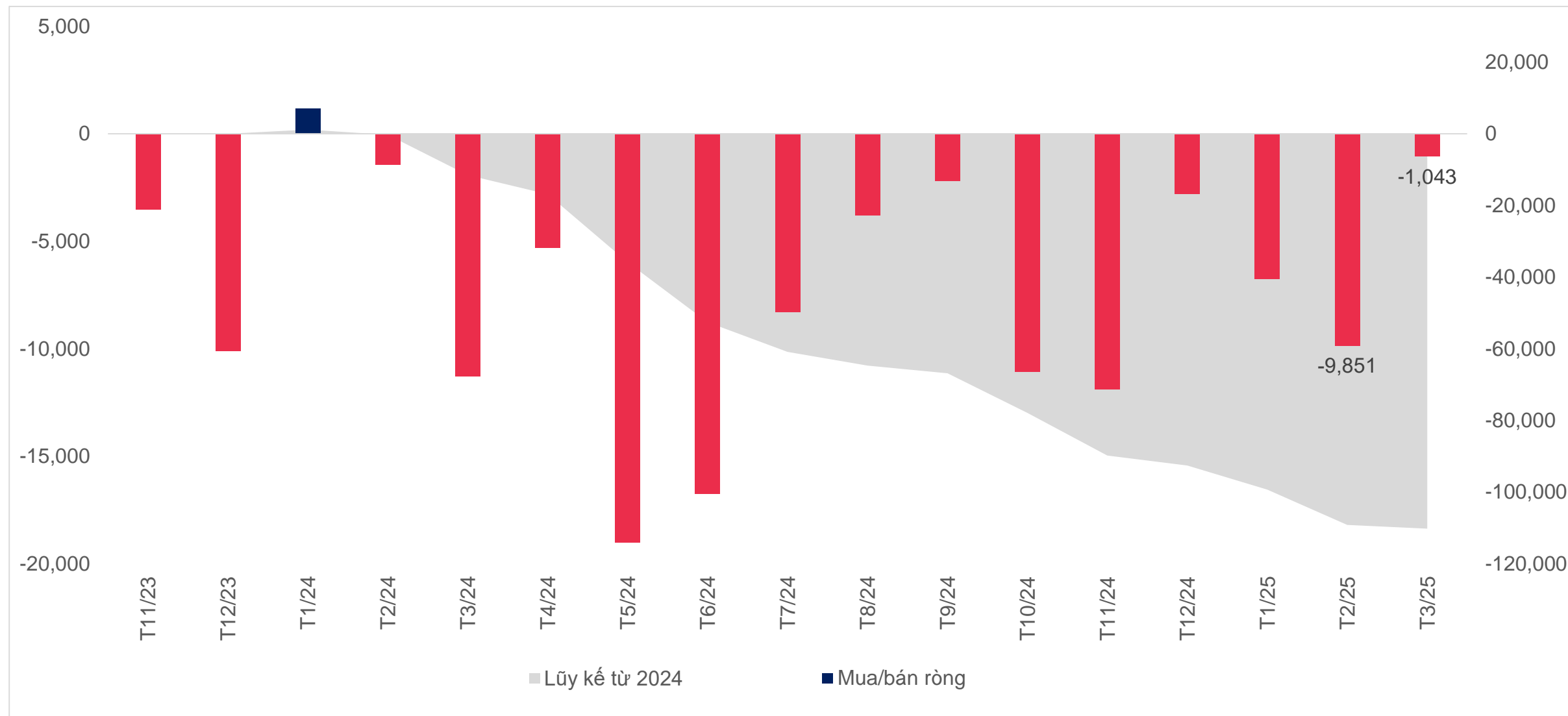
Khối ngoại đã bán ròng 4/5 năm vừa qua, cũng là 4/5 năm chỉ số Vn-Index tăng điểm. Năm 2024, khối ngoại bán ròng kỷ lục (3,2 tỷ USD)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Trong 20 tháng trở lại đây, khối ngoại duy nhất mua ròng tháng 1/2024 (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Đồng USD lao dốc, tạo điều kiện để các đồng tiền trong khu vực Châu Á phục hồi, dòng vốn cũng có dấu hiệu quay trở lại

Triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ xấu đi và khả năng thị trường tài chính toàn cầu tiếp tục có những biến động khó lường đang là những yếu tố tác động lớn tới tỷ giá các đồng tiền. Ngoài Yên Nhật được giới đầu tư xem là “hàng trú ẩn” trong bối cảnh hiện nay thì các đồng tiền khác cũng đang có dấu hiệu phục hồi khi đồng USD giảm mạnh trong tuần vừa qua. Dòng vốn có dấu hiệu trở lại ở các thị trường như: Philippines, Indonesia, Hàn Quốc, Việt Nam.

Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	31-Dec-24			-5,686	-42,550	9,650	19,065
India	5-Mar-25	-217	-1,156	-1,156	-14,927	-14,927	-13,943
Indonesia	6-Mar-25	-2	21	21	-1,319	-1,319	-1,284
Japan	28-Feb-25		-4,702	-16,511	-12,623	-12,623	-37,453
Malaysia	6-Mar-25	-38	-129	-129	-1,326	-1,326	-2,344
Philippines	6-Mar-25	6	4	4	-255	-255	-905
S. Korea	7-Mar-25	60	-201	-201	-4,084	-4,049	-10,545
Sri Lanka	6-Mar-25	0	-5	-5	-35	-35	-52
Taiwan	6-Mar-25	-774	-3,774	-3,774	-8,920	-8,920	-35,522
Thailand	6-Mar-25	-141	-171	-171	-696	-696	-3,900
Vietnam	6-Mar-25	17	-22	-22	-652	-652	-3,238

Đồng nội tệ của các nước Châu Á so với đồng USD (%)

Country Spot	5 Day	1 Mon	3 Mon	6 Mon	Year-Dt
Malaysian Ringgit(MYR)	-0.36	-1.47	-0.04	-2.19	0.60
Indonesian Rupiah(IDR)	-0.73	-1.68	-3.16	-5.81	-2.12
Thai Baht(THB)	-0.76	-0.65	1.98	0.46	0.53
Japanese Yen(JPY)	-0.21	3.03	0.75	-4.00	4.83
Singapore Dollar(SGD)	-0.54	0.28	-0.03	-2.96	1.86
Hong Kong Dollar(HKD)	0.03	0.18	0.09	0.35	-0.07
Chinese Renminbi(CNY)	-0.35	-0.33	-0.32	-1.99	0.43
Indian Rupee(INR)	-0.57	-0.95	-3.11	-3.72	-1.79
Offshore Chinese Renminbi(CNH)	-0.53	-0.30	-0.40	-2.10	0.88
Vietnamese Dong(VND)	-0.07	-1.81	-0.61	-2.78	-0.23
Taiwanese Dollar(TWD)	-0.09	-0.43	-0.87	-2.72	-0.11
Philippine Peso(PHP)	0.04	0.93	1.40	-2.86	-0.11
South Korean Won(KRW)	-0.55	-0.91	-3.61	-7.76	1.96

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Dòng vốn ETF rút ròng ở các quỹ VanEck và Fubon lần lượt -4,82 triệu USD và -9,85 triệu USD trong tuần vừa qua

	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	-0.75%	4.09%	-12.07%	-4.82	-7.68	-44.34	-31.95	-89.59
SSIAM VNFIN LEAD ETF	0.48%	4.12%	9.78%	-1.34	-1.44	-2.11	-1.94	-73.98
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	-3.22%	-0.77%	-11.26%	3.00	-0.27	-5.38	-3.75	-62.58
DCVFMVN30 ETF Fund	0.59%	1.70%	8.50%	-1.21	-17.19	-26.51	-22.02	-91.53
Fubon FTSE Vietnam ETF	1.62%	2.58%	-5.09%	-9.85	-16.29	-28.64	-19.11	-256.95
DCVFMVN Diamond ETF	0.67%	-1.79%	9.73%	-1.03	-7.98	-5.19	-5.85	-279.26
MAFN VN30 ETF	1.29%	1.66%	9.24%	0.00	0.82	11.57	3.04	14.41
KIM Growth VN30 ETF	0.66%	1.56%	8.97%	0.00	1.05	1.05	1.05	41.58

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



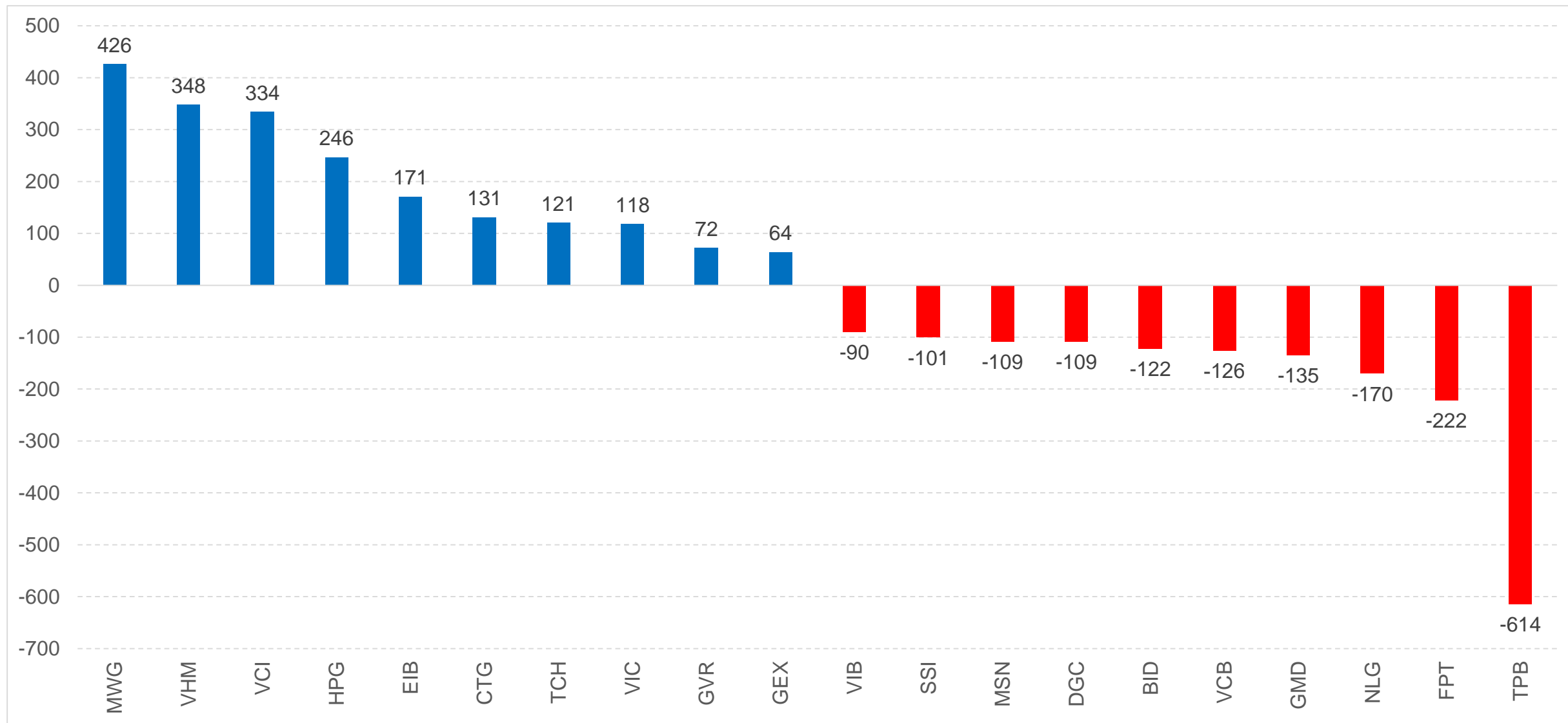
Dòng vốn ETF vào ròng ở các thị trường trong khu vực như: Thái Lan, Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore, Indonesia (Triệu USD)

Asset Group (M USD)	1D	1W	1M	3M	YTD	1Y	3Y	5Y
China	-777	1,092	-9,390	834	-5,561	88,445	204,237	274,174
Hong Kong	211	1,139	-3,555	-4,988	-2,855	-2,494	29,620	49,723
India	33	66	-93	-1,287	-995	7,763	24,371	25,096
Indonesia	0	49	80	94	92	-17	-98	55
Japan	-117	2,010	2,659	2,450	4,606	1,866	29,182	111,737
Malaysia		1	4	-22	-10	46	53	10
Pakistan		0	-1	-1	-1	-2	11	-8
Philippines		0	0	-3	1	-31	-69	-46
Singapore	4	16	137	279	196	482	443	1,364
South Korea	67	-272	588	3,364	3,035	8,949	36,990	36,982
Taiwan	217	1,155	1,925	7,192	5,114	24,040	41,084	52,605
Vietnam	-8	-15	-51	-103	-83	-850	20	568
Thailand	0	1	6	5	11	-36	-160	26
ASEAN Countries		-7	-29	139	0	243	414	410
Asian Pacific Region	0	45	-24	-270	-174	-1,316	-904	2,394
Asian Pacific Region ex Japan	-15	274	842	1,692	1,006	2,140	-7,022	8,191
Greater China	54	327	264	165	170	667	1,673	-1,128
South East Asia Region	0	-15	-43	97	-23	229	311	309

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



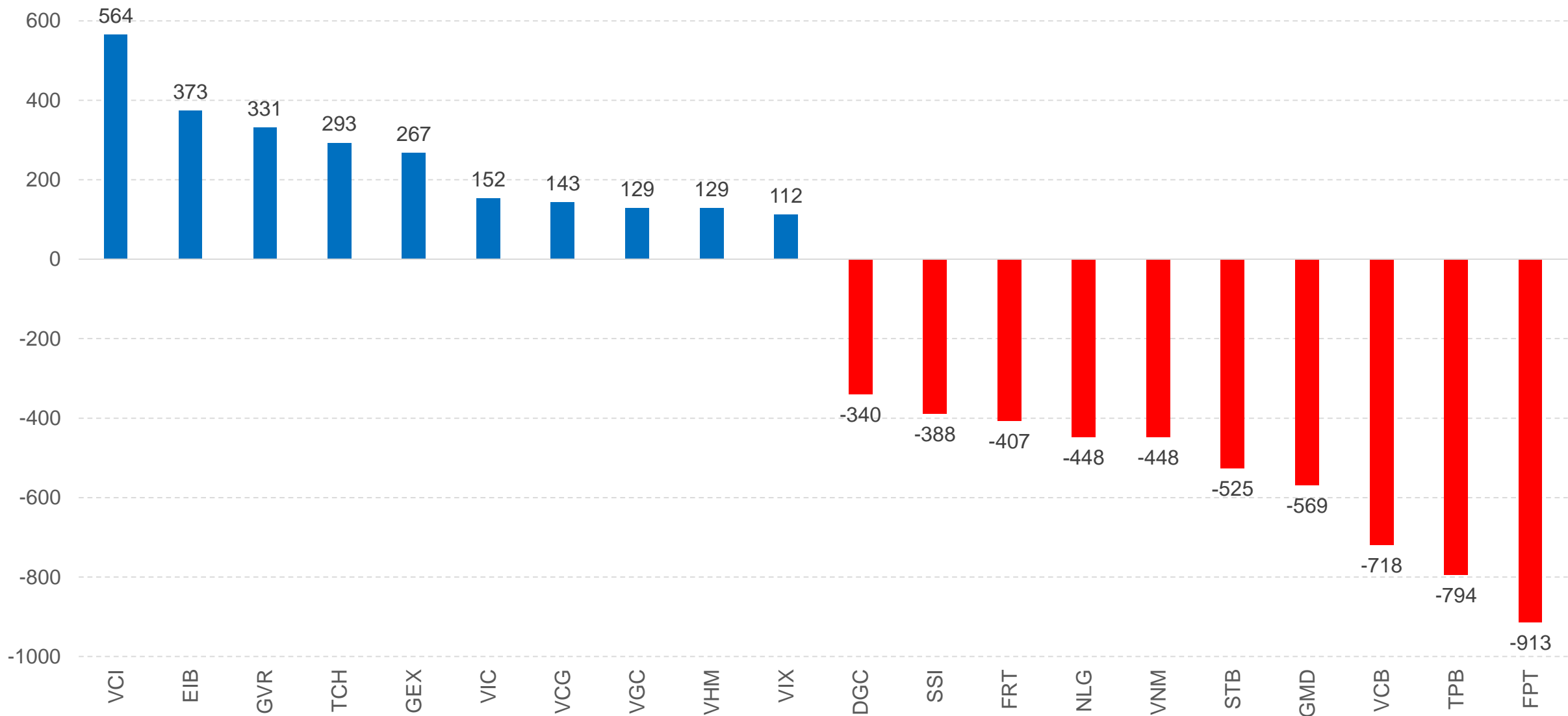
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE 1 tháng qua (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	03/07/2025	02/28/2025	02/21/2025	02/14/2025	02/07/2025
Dầu khí	7.3%	10.7%	-2.9%	42.3%	-5.7%
Ngân hàng	35.7%	9.5%	4.4%	-3.1%	15.0%
Chứng khoán	16.9%	48.9%	18.3%	4.8%	34.7%
Bất động sản	4.3%	18.2%	50.1%	-13.7%	49.8%
Dệt may	-2.7%	7.6%	-19.3%	24.6%	45.1%
Bán lẻ	20.3%	-5.2%	-3.5%	17.8%	8.0%
Vingroup	111.8%	3.8%	35.3%	-1.1%	11.1%
Xây dựng & VLXD	-25.8%	135.9%	-24.2%	43.9%	45.3%
Thực phẩm	-3.3%	33.1%	-2.6%	-14.8%	54.8%
Thủy sản	16.0%	9.8%	36.1%	-11.8%	-17.2%
Logistics	17.1%	2.5%	-11.8%	-13.4%	72.9%
Dược phẩm	-2.5%	-48.6%	25.1%	25.7%	-4.1%
Sản xuất & PP Điện	-27.1%	-5.2%	66.5%	14.9%	5.9%
Đầu tư công	-4.9%	-4.8%	-5.1%	9.5%	32.4%
Hóa chất	1.5%	-6.8%	12.3%	38.8%	45.2%
Cao su tự nhiên	-31.4%	-25.6%	123.6%	2.6%	20.1%
Bảo hiểm	-7.1%	-28.9%	21.0%	68.8%	11.6%
Ô tô và phụ tùng	-10.0%	-28.5%	70.2%	30.8%	55.8%
Dịch vụ	18.3%	-34.2%	-3.1%	41.4%	3.5%
BDS KCN	-2.5%	0.8%	34.1%	24.2%	13.2%
Viettel	-17.4%	19.9%	-51.0%	16.4%	-7.5%
Du lịch	35.7%	-8.1%	69.3%	68.6%	70.0%
Công nghệ	-26.0%	50.0%	-23.5%	-30.3%	62.0%
Đường	8.4%	-9.8%	28.4%	-8.3%	32.3%

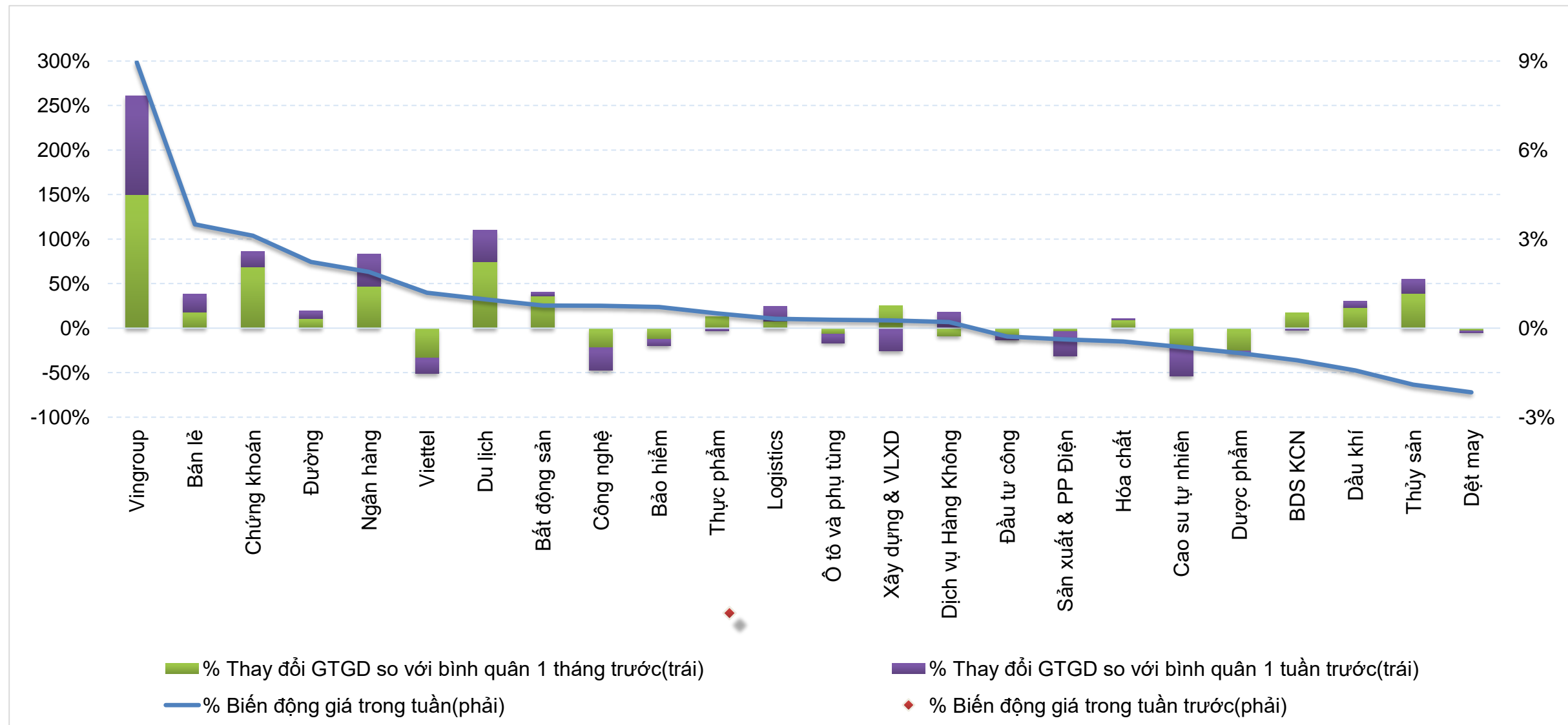
Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	03/07/2025	02/28/2025	02/21/2025	02/14/2025	02/07/2025
Dầu khí	2.6%	2.8%	3.0%	3.3%	2.4%
Ngân hàng	25.9%	21.9%	24.2%	24.4%	26.1%
Chứng khoán	19.1%	14.8%	12.1%	10.7%	10.6%
Bất động sản	8.7%	9.5%	9.7%	6.8%	8.2%
Dệt may	0.9%	1.1%	1.2%	1.6%	1.3%
Bán lẻ	4.0%	3.8%	4.9%	5.3%	4.7%
Vingroup	5.8%	3.1%	3.6%	2.8%	3.0%
Xây dựng & VLXD	8.3%	12.8%	6.6%	9.1%	6.6%
Thực phẩm	3.8%	4.5%	4.1%	4.4%	5.4%
Thủy sản	0.7%	0.7%	0.7%	0.6%	0.7%
Logistics	1.9%	1.9%	2.2%	2.6%	3.2%
Dược phẩm	0.3%	0.3%	0.6%	0.5%	0.4%
Sản xuất & PP Điện	1.0%	1.2%	1.6%	1.0%	0.9%
Đầu tư công	2.7%	3.2%	4.1%	4.5%	4.3%
Hóa chất	4.1%	4.7%	5.8%	5.5%	4.1%
Cao su tự nhiên	0.5%	0.9%	1.4%	0.7%	0.7%
Bảo hiểm	0.4%	0.4%	0.7%	0.6%	0.4%
Ô tô và phụ tùng	0.3%	0.3%	0.6%	0.3%	0.3%
Dịch vụ	0.9%	0.8%	1.6%	1.7%	1.2%
BDS KCN	3.4%	3.9%	4.7%	3.7%	3.1%
Viettel	1.1%	1.5%	1.5%	3.2%	2.8%
Du lịch	0.1%	0.0%	0.1%	0.0%	0.0%
Công nghệ	3.5%	5.4%	4.4%	6.0%	9.0%
Đường	0.4%	0.4%	0.6%	0.5%	0.6%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



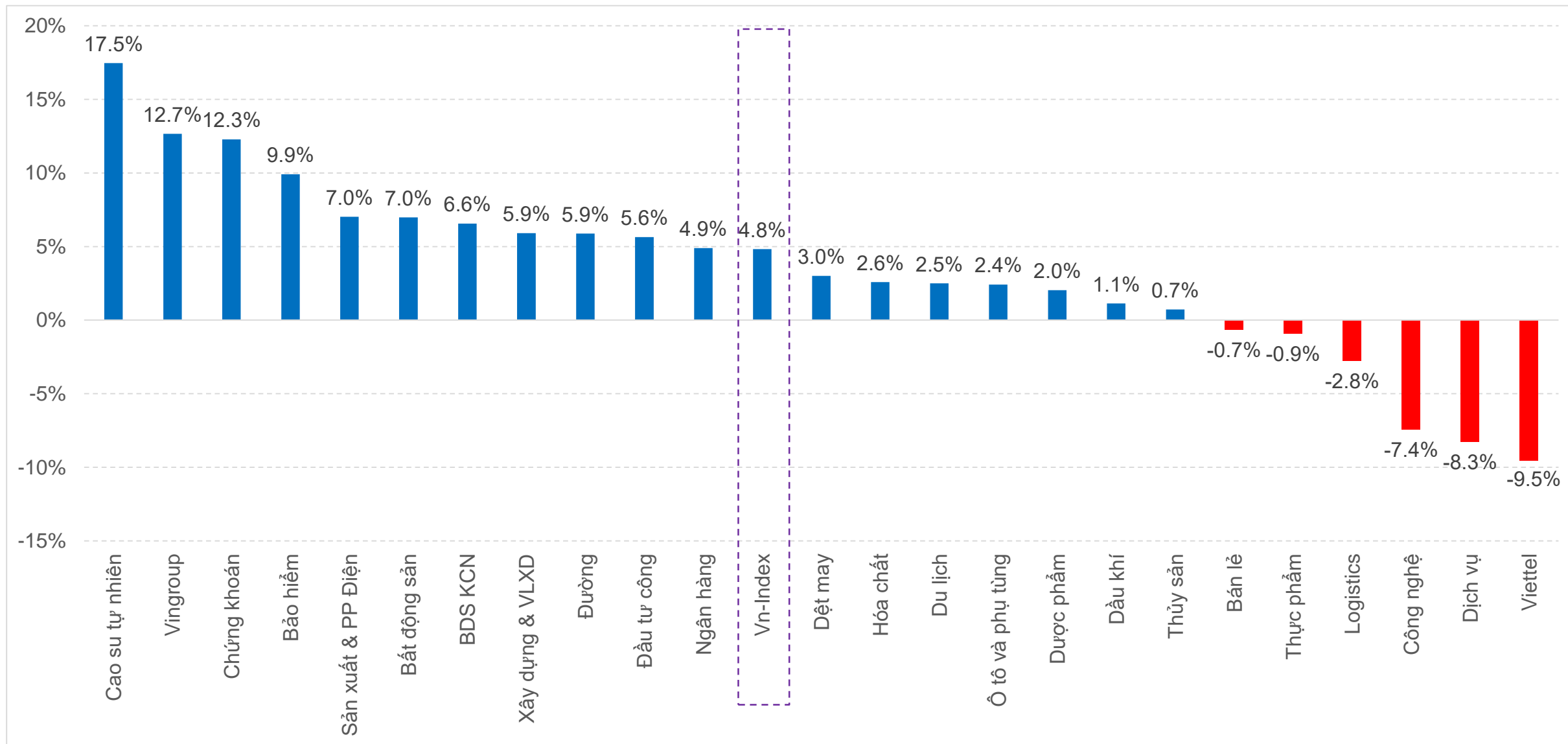
Biến động giá và dòng tiền theo nhóm ngành



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



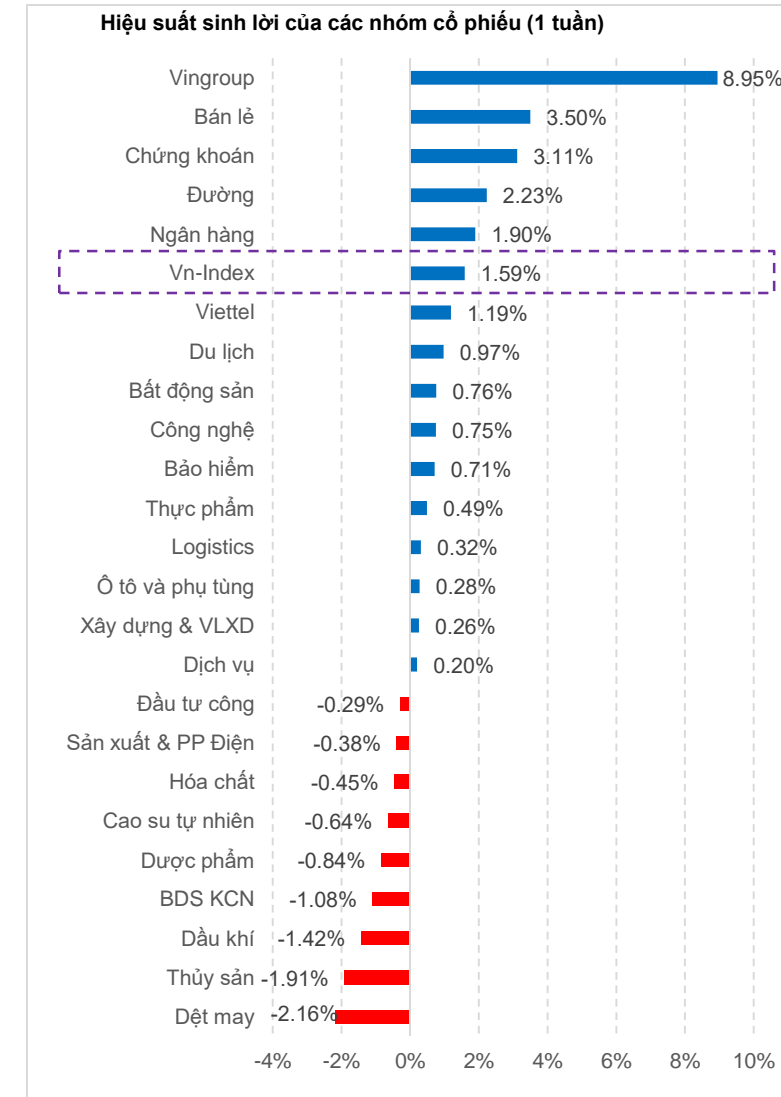
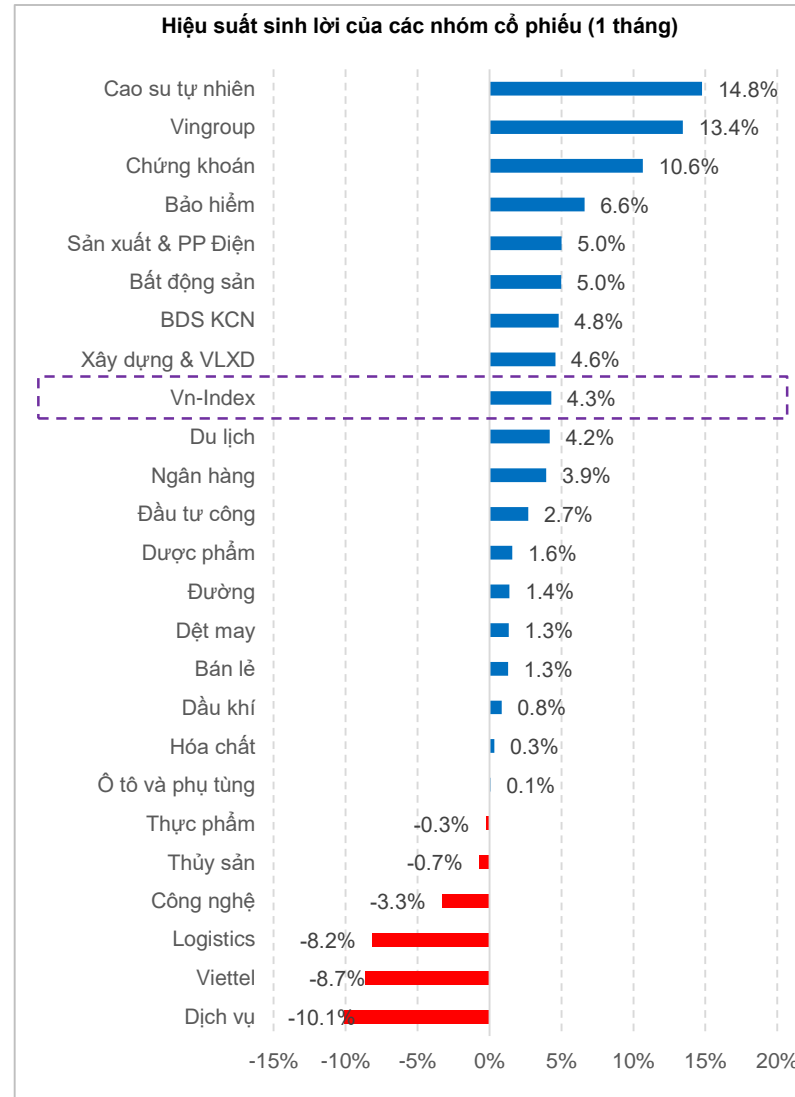
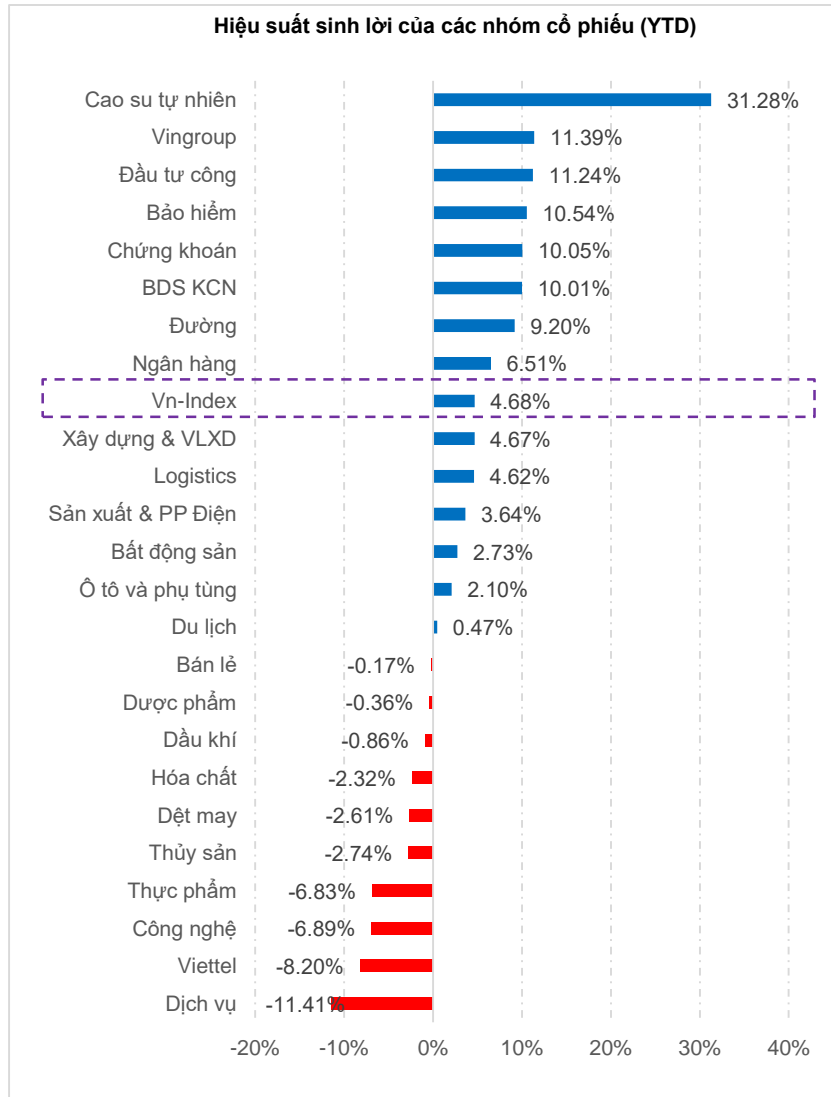
Thị trường dường như không chịu tác động kể từ khi ông Trump áp thuế (3/2)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất cổ phiếu có thanh khoản bình quân 100 tỷ/phiên

MCK	Giá đóng cửa (07/03)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
VNINDEX	1326.05	1.59	4.29	4.68	
VIX	11.85	3.49	17.91	20.30	743,157
HPG	28.05	0.18	4.66	5.25	703,160
SSI	26.90	2.28	7.39	3.26	478,034
MBB	24.50	6.52	8.41	12.34	476,715
VHM	44.95	9.10	15.85	12.38	416,590
FPT	141.40	0.78	-3.48	-7.28	367,200
TCB	27.75	6.32	10.12	12.58	350,941
MWG	61.90	6.17	4.74	1.48	336,621
TPB	16.35	-2.10	-1.21	-1.80	333,161
EIB	21.65	1.64	16.40	12.18	318,093
VCI	38.95	6.86	13.56	18.17	314,788
HCM	32.30	3.69	12.15	11.79	312,258
STB	39.75	3.92	6.43	7.72	296,315
GEX	23.20	1.98	8.16	21.47	280,236
VIB	20.95	0.96	2.44	6.35	258,849
VPB	19.25	-0.26	1.05	0.26	241,673
CTG	42.40	2.17	7.34	12.17	230,904
MSN	69.00	1.92	2.37	-1.43	216,877
DBC	30.65	3.55	16.76	10.45	210,825
HDB	23.40	1.52	1.96	-8.24	207,848
ORS	14.15	-9.58	-2.08	0.71	199,866
DGC	111.20	-0.27	-0.18	-4.63	194,883
DIG	20.20	1.51	7.45	6.88	191,316
ACB	26.65	2.50	4.51	3.29	188,944
VCB	95.10	1.93	2.37	4.28	177,145
VNM	62.70	0.80	3.29	-1.10	176,207

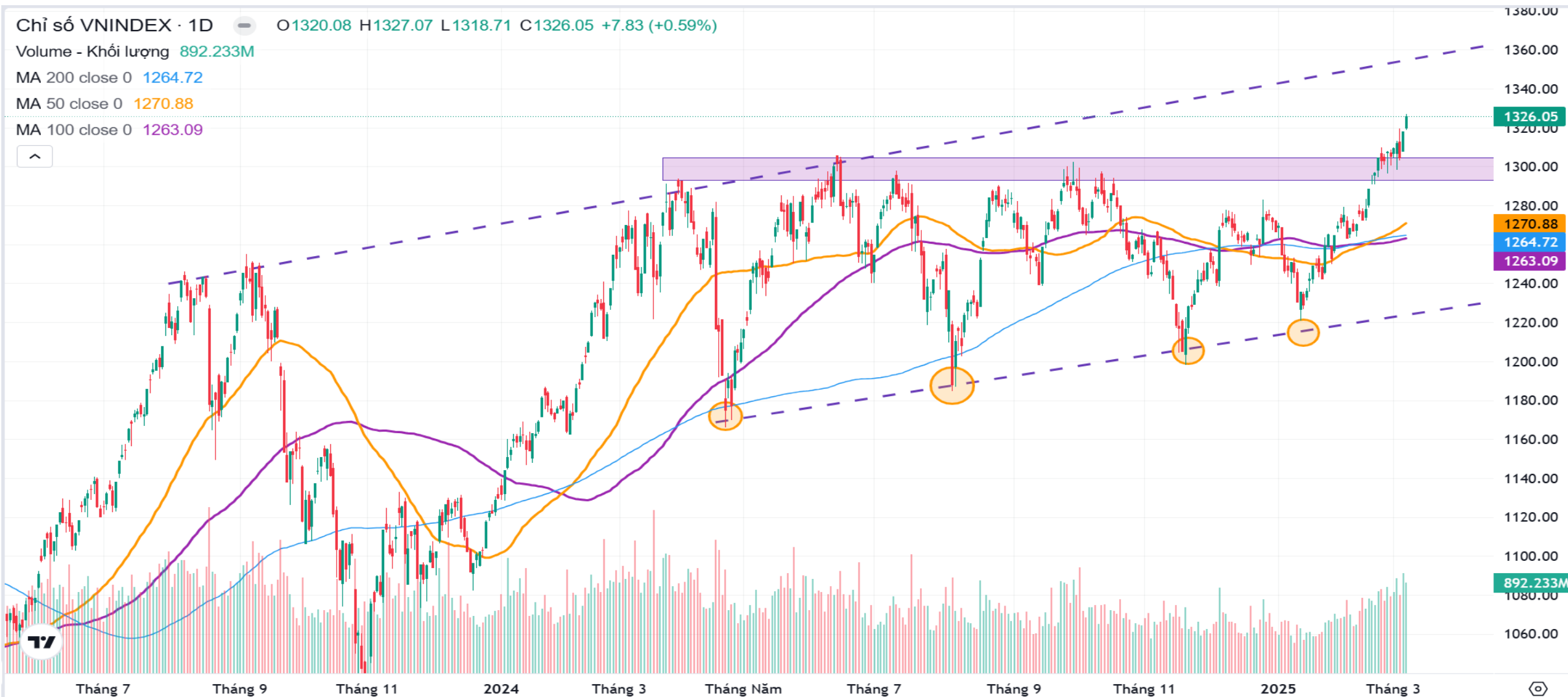
MCK	Giá đóng cửa (07/03)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Triệu VND)
VNINDEX	1326.05	1.59	4.29	4.68	
DXG	16.35	0.31	7.57	9.33	165,630
VRE	18.20	4.60	8.98	6.12	164,361
VND	13.70	0.74	6.20	8.73	158,263
VIC	45.30	9.95	11.99	11.71	155,830
VCG	21.60	1.17	6.14	19.01	150,528
PDR	20.30	2.01	2.53	-1.93	141,710
SHB	10.00	0.00	5.66	8.24	139,527
FTS	50.90	7.61	23.10	20.62	138,642
NKG	16.10	1.26	13.78	11.42	137,673
KBC	30.30	2.02	3.24	11.40	136,377
CTD	94.00	2.17	14.77	36.83	135,095
HAH	50.80	-4.51	-6.10	2.63	134,271
HSG	18.80	-1.31	5.92	1.90	126,877
GVR	33.50	0.30	14.73	10.38	124,986
DPM	36.85	0.41	4.10	5.29	124,788
TCH	17.75	1.43	14.89	17.16	123,412
BCG	4.14	-28.13	-31.57	-34.91	120,066
MSB	11.85	4.41	4.41	1.72	119,692
NLG	33.60	-3.17	-2.47	-8.07	118,054
BID	41.15	0.49	3.39	9.59	116,100
EVF	10.60	-3.64	11.34	16.48	112,344
CII	14.15	0.00	4.43	1.43	112,060
LPB	35.40	-2.07	-3.01	13.28	111,761
BAF	34.65	4.68	23.97	23.31	111,221
NVL	10.50	-0.94	11.82	2.44	104,602

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Vn-Index đã vượt ngưỡng 1.300 điểm sau nhiều lần thất bại trong năm 2024, mở ra cơ hội tiến về vùng 1.350 – 1.360 điểm

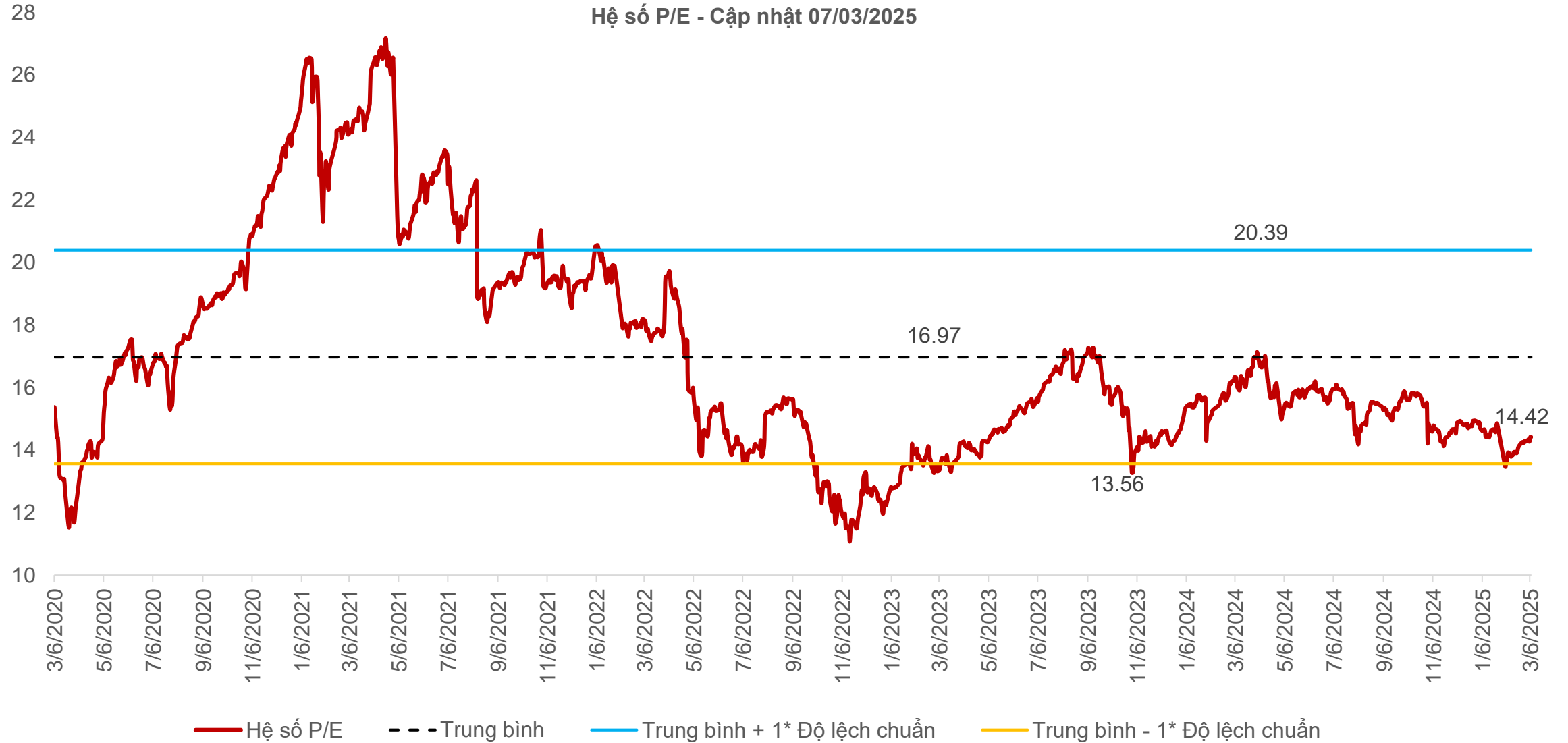
Đồ thị kỹ thuật ngày của chỉ số Vn-Index: Chỉ số Vn-Index có vùng hỗ trợ 1.290 – 1.300 điểm, kháng cự 1.350 – 1.360 điểm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Xác suất thị trường tăng điểm trong tháng 2 và tháng 3 cao hơn các tháng còn lại, trong vòng 10 năm qua

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	1.59									
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

👉 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha

Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



1 tuần

DM Alpha -0.1% 0,0%

Vnindex 1,26% 2,3%

Từ ngày khởi tạo

DM Alpha 3,8%

Vnindex 9,63%

Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	VHM	43,600	3/6/2025	50,000	41,000	14.68%	-5.96%	0	3/7/2025	44,950	3.10%
2	MWG	61,600	3/6/2025	79,000	57,000	28.25%	-7.47%	0	3/7/2025	61,900	0.49%
3	HPG	26,200	2/14/2025	30,000	25,000	14.50%	-4.58%	14	3/7/2025	28,000	6.87%
4	DPM	36,900	2/28/2025	44,600	34,700	20.87%	-5.96%	4	3/7/2025	36,700	-0.54%
5	DXG	14,800	2/18/2025	19,000	13,800	28.38%	-6.76%	11	3/7/2025	16,300	10.14%

VHM Sang năm 2025, chúng tôi kỳ vọng VHM tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ sở hữu quỹ đất sạch lớn tại các đại đô thị như Wonder Park (133 ha), Royal Island (877 ha). Ngoài ra, các đại dự án lớn khác như IUT (880 ha), Green Paradise (2,870 ha) và Apollo City (5,489 ha) đang dần hoàn thiện pháp lý, sẽ mang lại tiềm lực phát triển trong dài hạn cho công ty.

MWG Với thế mạnh về xây dựng mô hình bán lẻ của MWG, kỳ vọng kế hoạch phủ xanh miền Trung sẽ không có quá nhiều khó khăn, do đó ước tính tổng LN BHX 2025 khoảng 500 tỷ đồng. Hiện tại, P/E fw 25 đang ở mức hấp dẫn khoảng 17.2, thấp hơn sv mức 19.4 - trung bình 2 năm gần đây. Giá hiện tại thấp hơn 30% sv mức định giá 1 năm là 79,000 đồng/cp

HPG HPG là công ty hưởng lợi từ chu kỳ phục hồi nhờ nhu cầu mạnh mẽ trong các phân khúc thép xây dựng (rebar) và thép cán nóng (HRC). Giai đoạn tăng trưởng dự kiến sẽ bắt đầu từ năm 2025 với sự đóng góp từ tín hiệu tích cực của ngành xây dựng. Sự gia tăng cung cấp nhà ở và đầu tư công sẽ mang lại tác động tích cực đến doanh số bán thép cuộn. Về khối lượng thép cán nóng, chúng tôi dự báo nhờ vào thuế chống bán phá giá (AD) và dự án Khu phức hợp Dung Quất 2, khối lượng có thể tăng 40% svck, đạt 4,4 triệu tấn.

- Kết quả của việc giảm áp lực từ xuất khẩu của Trung Quốc và nhu cầu mạnh mẽ trong nước, giá thép cuộn và thép cán nóng sẽ phục hồi 7%/6% vào năm 2025. Nhờ vào sự tăng trưởng của giá cao hơn chi phí nguyên liệu, tỷ suất lợi nhuận gộp (GPM) dự báo sẽ cải thiện 1 điểm phần trăm lên 15.2%. Vì vậy, lợi nhuận ròng (NP) có thể đạt 17,995 tỷ VND (+39% svck).
- HPG hiện đang được định giá thấp hơn so với mức trung bình của các chu kỳ trước: Chỉ số P/B và P/E hiện tại lần lượt đạt 1.6 và 10.2 (dưới mức trung bình của 2 chu kỳ trước là 2.2 và 12.5).

DPM

- Kể từ ngày 01/7/2025, phân bón sẽ được đưa vào diện chịu thuế VAT 5%. Việc này sẽ giúp các doanh nghiệp sản xuất phân bón, đặc biệt là phân ure và phân lân, được hưởng lợi khi được phép hoàn chi phí thuế VAT đầu vào, từ đó có động lực giảm giá bán và tăng khả năng cạnh tranh với phân bón nhập khẩu, đồng thời cải thiện biên lợi nhuận.
- Giá khí đầu vào được kỳ vọng duy trì ở mức thấp nhờ giá dầu ổn định quanh vùng 70-80 USD/thùng, hỗ trợ ổn định chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Trong khi đó, giá bán phân ure nội địa Việt Nam kỳ vọng hồi phục khi giảm cạnh tranh từ Trung Quốc và Nga, do hai nước này tiếp tục hạn chế xuất khẩu thông qua các biện pháp hạn ngạch và thuế quan, ưu tiên phục vụ nhu cầu trong nước.

DXG

- Doanh số kí bán của DN dự kiến tăng trưởng 203%/42% svck nhờ động lực tăng trưởng từ giai đoạn 2 dự án GSW và Riverside. Dự án Riverside có thể được hưởng lợi trong bối cảnh nguồn cung căn hộ thiếu hụt tại HCM.
- LN ròng tăng trưởng 37%/137% svck lên mức 417/946 tỷ VNĐ nhờ đóng góp của dự án GSW và Riverside
- Riverside trở thành động lực tăng trưởng chính của DXG trong 2025 – 2026 và - Định giá hiện tại của DN đang thấp hơn 38% so với mức định giá hợp lý.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Gía đóng cửa (07/03)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)
	VNINDEX	1326.05	1.59	4.29	4.68	
1	VCB	95.1	1.93	2.37	4.28	522.58
2	BID	41.15	0.49	3.39	9.59	286.47
3	VGI	82.8	1.35	-9.11	-9.71	251.72
4	ACV	105.8	-0.38	-15.22	-15.97	227.49
5	CTG	42.4	2.17	7.34	12.17	223.66
6	FPT	141.4	0.78	-3.48	-7.28	208.30
7	TCB	27.75	6.32	10.12	12.58	195.70
8	VHM	44.95	9.1	15.85	12.38	179.08
9	HPG	28.05	0.18	4.66	5.25	178.78
10	VIC	45.3	9.95	11.99	11.71	161.93
11	GAS	67.8	-0.29	0.3	-0.44	160.00
12	MCH	148.9	-0.07	-4.62	-16.96	156.14

STT	MCK	Gía đóng cửa (07/03)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)
13	VPB	19.25	-0.26	1.05	0.26	151.93
14	MBB	24.5	6.52	8.41	12.34	147.06
15	GVR	33.5	0.3	14.73	10.38	136.00
16	VNM	62.7	0.8	3.29	-1.1	131.46
17	ACB	26.65	2.5	4.51	3.29	117.92
18	LPB	35.4	-2.07	-3.01	13.28	106.20
19	MSN	69	1.92	2.37	-1.43	99.53
20	MWG	61.9	6.17	4.74	1.48	90.47
21	MVN	72	-6.49	-18.64	30.67	89.92
22	HDB	23.4	1.52	1.96	-8.24	80.56
23	BCM	75	-0.92	5.93	5.78	77.83
24	STB	39.75	3.92	6.43	7.72	74.47
25	SAB	51.2	-0.58	-2.85	-7.75	65.92

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Giá đóng cửa (07/03)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)
	VNINDEX	1326.05	1.59	4.29	4.68	
26	HVN	28.35	1.8	3.09	-1.05	63.33
27	VIB	20.95	0.96	2.44	6.35	62.41
28	BSR	19.9	-2.69	-2.93	-12.72	61.39
29	PLX	42.85	-1.61	7.39	14.27	55.46
30	SSB	19.65	1.29	5.36	17.31	55.34
31	VEA	40.4	0.25	-0.74	1.51	53.82
32	SSI	26.9	2.28	7.39	3.26	52.77
33	VJC	97	1.04	-1.02	-3	52.27
34	FOX	102.7	3.42	3.74	5.88	50.58
35	BVH	56.7	0.18	10.74	11.83	42.83
36	TPB	16.35	-2.1	-1.21	-1.8	42.80
37	DGC	111.2	-0.27	-0.18	-4.63	42.19

STT	MCK	Giá đóng cửa (07/03)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)
38	EIB	21.65	1.64	16.4	12.18	41.35
39	KSV	192	-12.33	-11.52	79.44	40.90
40	SHB	10	0	5.66	8.24	40.65
41	VRE	18.2	4.6	8.98	6.12	40.56
42	REE	73.3	1.24	12.59	9.44	34.71
43	KDH	33.55	0.15	-3.03	-7.06	33.92
44	PNJ	93.9	-0.11	-5.14	-3.5	31.66
45	VEF	184.5	1.1	7.27	7.33	30.37
46	MSB	11.85	4.41	4.41	1.72	29.77
47	POW	12.1	-1.22	2.54	0.83	28.34
48	OCB	11.45	1.78	-0.43	0.44	27.99
49	VCI	38.95	6.86	13.56	18.17	27.65
50	SSH	69.6	1.9	1.16	3.88	26.03

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đình Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

Nguyễn Đức Hào

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng